

1. Bản đặc tả, đề kiểm tra, đánh giá định kì lớp 10:

**BẢNG ĐẶC TẢ KỸ THUẬT ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ I. MÔN: LỊCH SỬ
THỜI GIAN LÀM BÀI: 45 PHÚT**

T T	Nội dung kiến thức	Đơn vị kiến thức	Mức độ kiến thức, kĩ năng cần kiểm tra, đánh giá	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức			
				Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao
1	Xã hội nguyên thủy	Bài 1. Sự xuất hiện loài người và bầy người nguyên thủy. (tích hợp với nội dung Bài 13 theo CV3280)	Nhận biết: - Nêu được nguồn gốc loài người và quá trình chuyển biến từ Vượn thành Người tối cổ, Người tinh khôn. - Biết được về đời sống vật chất, tinh thần và tổ chức xã hội trong giai đoạn đầu của xã hội nguyên thủy. - Biết được cách ngày nay khoảng 30 - 40 vạn năm, Người tối cổ đã sống trên đất nước ta (Lạng Sơn, Thanh Hoá); sau đó Người tinh khôn (Sơn Vi, Phú Thọ). Thông hiểu: - Hiểu được lao động tạo ra con người và xã hội loài người.	02 (Câu 1,2)	01 (Câu 17)		

T T	Nội dung kiến thức	Đơn vị kiến thức	Mức độ kiến thức, kĩ năng cần kiểm tra, đánh giá	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức			
				Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao
		Bài 2. Xã hội nguyên thủy. (tích hợp với nội dung Bài 13 theo CV3280)	Nhận biết: - Biết được về đời sống vật chất, tinh thần và tổ chức xã hội trong giai đoạn đầu của xã hội nguyên thủy. - Biết được sự hình thành của công xã thị tộc (văn hoá Sơn Vi) và sự phát triển của công xã thị tộc (văn hoá Hoà Bình - “cuộc cách mạng đá mới”). - Liệt kê được sự ra đời của các công cụ lao động bằng kim loại. - Biết được ở Việt Nam, kĩ thuật luyện kim đã ra đời từ nền văn hóa Phùng Nguyên, Sa Huỳnh, Đồng Nai. Thông hiểu: - Hiểu được vai trò của công cụ lao động bằng kim loại và sự tiến bộ của sản xuất, quan hệ xã hội. - Hiểu được ý nghĩa ra đời của thuật luyện kim và biết được những đặc điểm chính về cuộc sống của các bộ lạc Phùng Nguyên, Sa Huỳnh, Đồng Nai Vận dụng: - Phân tích được quá trình tan rã	02 (Câu 3,4)			
					02 (Câu 18,19)	1*	

T T	Nội dung kiến thức	Đơn vị kiến thức	Mức độ kiến thức, kĩ năng cần kiểm tra, đánh giá của xã hội nguyên thuỷ và hiểu nguyên nhân của quá trình đó.	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức			
				Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao

T T	Nội dung kiến thức	Đơn vị kiến thức	Mức độ kiến thức, kĩ năng cần kiểm tra, đánh giá	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức			
				Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao
2	Xã hội cổ đại	Bài 3. Các quốc gia cổ đại phương Đông.	Nhận biết: - Nêu được điều kiện tự nhiên, sự hình thành các quốc gia cổ đại phương Đông (Ai Cập, Lưỡng Hà, Trung Quốc, Ấn Độ). - Biết được thể chế chính trị, hoạt động kinh tế, các lực lượng xã hội của các quốc gia cổ đại Phương Đông. - Biết được những thành tựu văn hóa của phương Đông cổ đại (thiên văn, lịch, chữ viết, ...) Thông hiểu: - Hiểu được các điều kiện tự nhiên với sự hình thành các quốc gia cổ đại phương Đông. - Hiểu được đặc trưng kinh tế, văn hóa, chính trị, xã hội của các quốc gia cổ đại phương Đông. Vận dụng: - Phân tích được các đặc điểm về chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội của chế độ chuyên chế cổ đại ở phương Đông.	04 (Câu 5,6,7,8)	03 (Câu 20,21,22)	1*	

T T	Nội dung kiến thức	Đơn vị kiến thức	Mức độ kiến thức, kĩ năng cần kiểm tra, đánh giá	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức			
				Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao
		Bài 4. Các quốc gia cổ đại phương Tây – Hi Lạp – Rô ma.	Nhận biết: - Nêu được điều kiện tự nhiên, sự hình thành các quốc gia cổ đại phương Tây (Hi Lạp, Rô-ma). - Biết được thể chế chính trị, hoạt động kinh tế, các lực lượng xã hội của các quốc gia cổ đại Phương Tây. - Biết được những thành tựu văn hóa của phương Tây cổ đại (thiên văn, lịch, chữ viết, toán học, kiến trúc...) Thông hiểu: - Hiểu được các điều kiện tự nhiên với sự hình thành các quốc gia cổ đại phương Tây. - Hiểu được đặc trưng kinh tế, văn hóa, chính trị, xã hội của các quốc gia cổ đại phương Tây (thành bang, hoạt động kinh tế, thể chế chính trị: dân chủ cộng hòa). Vận dụng: - Phân tích được vai trò của nô	04 (Câu 9,10,11,12)	03 (Câu 23,24,25)		

T T	Nội dung kiến thức	Đơn vị kiến thức	Mức độ kiến thức, kĩ năng cần kiểm tra, đánh giá	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức			
				Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao
			lệ đối với chế độ chiếm hữu nô lệ ở phương Tây cổ đại. - So sánh được những đặc trưng của các quốc gia cổ đại phương Đông với phương Tây (điều kiện hình thành, chính trị, kinh tế, xã hội...) Vận dụng cao: - Nhận xét được tác động, ảnh hưởng của mối quan hệ giữa điều kiện tự nhiên với đặc điểm phát triển kinh tế. - Liên hệ các thành tựu văn hóa cổ đại phương Đông và phương Tây. Đánh giá được sự kế thừa, phát triển của văn minh phương Tây cổ đại.			1*	1**
3	Trung Quốc thời phong kiến	Bài 5. Trung Quốc thời Phong Kiến	Nhận biết: - Trình bày sơ giản về sự hình thành xã hội cổ đại ở Trung Quốc. - Nêu được nét chính về sự hình thành, phát triển của chế độ phong kiến Trung Quốc. - Biết được những thành tựu văn hóa tiêu biểu của Trung Quốc. Thông hiểu:	04 (Câu 13,14,15,16)	03 (Câu 26,27,28)		

T T	Nội dung kiến thức	Đơn vị kiến thức	Mức độ kiến thức, kỹ năng cần kiểm tra, đánh giá	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức			
				Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao
			- Trình bày được nét nổi bật về tình hình kinh tế, chính trị, xã hội ở các thời kì Tần, Hán, Đường, Tống, Nguyên và tình hình chính trị thời Minh, Thanh. Vận dụng: - Phân tích được đặc trưng về tình hình kinh tế, chính trị, xã hội, văn hóa ở các thời kì Tần, Hán, Đường, Tống, Nguyên và tình hình chính trị thời Minh, Thanh. - Phân tích được những thành tựu văn hóa Trung Quốc thời phong kiến: Nho giáo, Sử học, Văn học, Kiến trúc, Kỹ thuật... Vận dụng cao: - Đánh giá được ảnh hưởng của văn hóa Trung Quốc đối với Việt Nam.			1*	1**
Tổng				16	12	01	01

Lưu ý:

- Với câu hỏi ở mức độ nhận biết và thông hiểu thì mỗi câu hỏi cần được ra ở một chỉ báo của mức độ kiến thức, kỹ năng cần kiểm tra, đánh giá tương ứng (1 gạch đầu dòng thuộc mức độ đó).
- (1*) Giáo viên có thể ra 1 câu hỏi cho đề kiểm tra ở cấp độ vận dụng ở đơn vị kiến thức: Bài 2,3,4,5.
- (1**) Giáo viên có thể ra 1 câu hỏi cho đề kiểm tra ở cấp độ vận dụng ở đơn vị kiến thức: Bài 4,5.

BẢNG ĐẶC TẢ KỸ THUẬT ĐỀ KIỂM TRA CUỐI KÌ I. MÔN: LỊCH SỬ LỚP 10
THỜI GIAN LÀM BÀI: 45 PHÚT

TT	Nội dung kiến thức	Đơn vị kiến thức	Mức độ kiến thức, kĩ năng cần kiểm tra, đánh giá	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức			
				Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao
1	Xã hội nguyên thủy	Bài 1. Sự xuất hiện loài người và bày người nguyên thủy. <i>(Tích hợp với bài 13 theo Cv 3280)</i>	Nhận biết: - Nêu được nguồn gốc loài người và quá trình chuyển biến từ Vượn thành Người tối cổ, Người tinh khôn. - Biết được về đời sống vật chất, tinh thần và tổ chức xã hội trong giai đoạn đầu của xã hội nguyên thủy. - Biết được cách ngày nay khoảng 30 - 40 vạn năm, người tối cổ đã sống trên đất nước ta (Lạng Sơn, Thanh Hoá); sau đó Người tinh khôn (Sơn Vi, Phú Thọ). Thông hiểu: - Hiểu được lao động tạo ra con người và xã hội loài người.	0 1 (Câu 1)			
		Bài 2. Xã hội nguyên thủy.	Nhận biết: - Biết được về đời sống vật chất, tinh thần và tổ chức xã hội trong giai đoạn đầu của xã hội nguyên thủy. - Biết được sự hình thành của công xã thị tộc (văn hoá Sơn Vi) và sự phát triển của công xã thị tộc (văn hoá Hoà Bình -	01 (Câu 2)			

		(Tích hợp với bài 13 theo Cv 3280)	“cuộc cách mạng đá mới”). - Liệt kê được sự ra đời của các công cụ lao động bằng kim loại. - Biết được ở Việt Nam, kỹ thuật luyện kim đã ra đời từ nền văn hóa Phùng Nguyên, Sa Huỳnh, Đồng Nai. Thông hiểu: - Hiểu được vai trò của công cụ lao động bằng kim loại và sự tiến bộ của sản xuất, quan hệ xã hội. Vận dụng: - Phân tích được quá trình tan rã của xã hội nguyên thủy và nguyên nhân của quá trình đó.			1*	
2		Bài 3. Các quốc gia cổ đại phương Đông.	Nhận biết: - Nêu được điều kiện tự nhiên, sự hình thành các quốc gia cổ đại phương Đông (Ai Cập, Lưỡng Hà, Trung Quốc, Ấn Độ). - Biết được thể chế chính trị, hoạt động kinh tế, các lực lượng xã hội của các quốc gia cổ đại Phương Đông. - Biết được những thành tựu văn hóa của phương Đông cổ đại (thiên văn, lịch, chữ viết, toán học, kiến trúc...) Thông hiểu: - Hiểu được các điều kiện tự nhiên với	01 (Câu 3)		01 (Câu 17)	

			sự hình thành các quốc gia cổ đại phương Đông. - Hiểu được đặc trưng kinh tế, văn hóa, chính trị, xã hội của các quốc gia cổ đại phương Đông. Vận dụng: - Rút ra được các đặc điểm về chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội của chế độ chuyên chế cổ đại ở phương Đông.			1*	
	Xã hội cổ đại	Bài 4. Các quốc gia cổ đại phương Tây – Hi Lạp – Rô ma.	Nhận biết: - Nêu được điều kiện tự nhiên, sự hình thành các quốc gia cổ đại phương Tây (Hi Lạp, Rô-ma). - Biết được thể chế chính trị, hoạt động kinh tế, các lực lượng xã hội của các quốc gia cổ đại Phương Tây. - Biết được những thành tựu văn hóa của phương Tây cổ đại (thiên văn, lịch, chữ viết, toán học, kiến trúc...) Thông hiểu: - Hiểu được các điều kiện tự nhiên với sự hình thành các quốc gia cổ đại phương Tây. - Giải thích được đặc trưng kinh tế, văn hóa, chính trị, xã hội của các quốc gia cổ đại phương Tây (thành bang, hoạt động kinh tế, thể chế chính trị: dân chủ cộng hòa).	01 (Câu 4)		01 (Câu 18)	

			Vận dụng: - Phân tích được vai trò của nô lệ đối với chế độ chiếm hữu nô lệ ở phương Tây cổ đại. - So sánh được những đặc trưng của các quốc gia cổ đại phương Đông với phương Tây (điều kiện hình thành, thể chế chính trị, kinh tế, xã hội...) Vận dụng cao: - Liên hệ được mối quan hệ giữa, tác động, ảnh hưởng giữa điều kiện tự nhiên và sự phát triển kinh tế. - Đánh giá được sự kế thừa, phát triển của văn minh phương Tây cổ đại so với văn minh phương Đông.			1*	1**
3	Trung Quốc thời phong kiến	Bài 5. Trung Quốc thời Phong Kiến	Nhận biết: - Trình bày sơ giản về sự hình thành xã hội cổ đại ở Trung Quốc. - Nêu được nét chính về sự hình thành, phát triển của chế độ phong kiến Trung Quốc. - Biết được những thành tựu văn hóa tiêu biểu của Trung Quốc. Thông hiểu: - Trình bày được nét nổi bật về tình hình kinh tế, chính trị, xã hội ở các thời kì	01 (Câu 5)		01	

			Tần, Hán, Đường, Tống, Nguyên và tình hình chính trị thời Minh, Thanh. Vận dụng: - Phân tích được đặc trưng về tình hình kinh tế, chính trị, xã hội, văn hóa ở các thời kì Tần, Hán, Đường, Tống, Nguyên và tình hình chính trị thời Minh, Thanh. - Phân tích được những thành tựu văn hóa Trung Quốc thời phong kiến: Nho giáo, Sử học, Văn học, Kiến trúc, Kỹ thuật... Vận dụng cao: Đánh giá được ảnh hưởng của văn hóa Trung Quốc đối với Việt Nam.		(Câu 19)	1*	1**
4	Ấn Độ thời Phong kiến	Bài 6 + 7 Sự phát triển lịch sử và nền văn hóa truyền thống Ấn Độ	Nhận biết: - Biết được về sự thành lập các vương triều Gúp- ta, Mô-gôn và Đê-li. - Nêu được những biểu hiện văn hóa ở thời kì vương triều Gúp-ta. - Biết được về tình hình chính trị, kinh tế, chính trị, văn hóa ở thời kì vương triều Mô-gôn và Đê-li. Thông hiểu: - Hiểu được sự định hình, phát triển của văn hóa Ấn Độ dưới thời kì vương triều Mô-gôn và Đê-li. - Giải thích được điểm tích cực, hạn chế về chính sách của hai vương triều Mô-	02 (Câu 6,7)	01 (Câu 20)		

			gôn và Đê-li. Vận dụng: - So sánh được sự khác nhau về chính sách thống trị của hai vương triều Mô-gôn và Đê-li.			1*	
5		Bài 8. Sự hình thành và phát triển các vương quốc chính ở Đông Nam Á.	Nhận biết: - Nêu được điều kiện tự nhiên, sự ra đời của các quốc gia cổ đại Đông Nam Á. - Biết được nét chính về chính trị, xã hội của các quốc gia cổ đại Đông Nam Á. - Nêu được sự hình thành, phát triển, suy thoái của các quốc gia phong kiến Đông Nam Á. Thông hiểu: - Lí giải, phân tích được biểu hiện của sự phát triển và suy thoái của các quốc gia phong kiến Đông Nam Á. Vận dụng: - Phân tích được nguyên nhân phát triển và suy thoái của các quốc gia phong kiến Đông Nam Á. Vận dụng cao: - Đánh giá, xác định được mối liên hệ giữa lịch sử, truyền thống văn hóa đối với sự phát triển hiện nay của các quốc gia Đông Nam Á.	02 (Câu 8,9)	02 (Câu 21,22)	1*	1**

	Đông Nam Á thời phong kiến	Bài 9. Vương Quốc Campuchia và Vương quốc Lào	Nhận biết: - Nêu được sự thành lập và các chặng đường lịch sử của hai vương quốc Lào và Campuchia. - Biết được các thành tựu văn hóa của hai vương quốc Lào và Campuchia. Thông hiểu: - Giải thích được biểu hiện sự phát triển của hai vương quốc Lào và Campuchia. Vận dụng: - Giới thiệu được một công trình kiến trúc nổi tiếng của hai vương quốc Lào và Campuchia. Vận dụng cao: - Đánh giá được giá trị của lịch sử, văn hóa đối với sự phát triển của hai vương quốc Lào và Campuchia	02 (Câu 10,11)	02 (Câu 23,24)	1*	1**
6	Tây Âu thời trung đại	Bài 10. Thời kì hình thành và phát triển của chế độ phong kiến Tây Âu (thế kỉ V đến XIV)	Nhận biết : - Biết được sự sụp đổ của đế quốc Rô-ma và các việc làm của người Giéc-man. - Nêu được khái niệm về lãnh địa, các hoạt động chính trong lãnh địa. - Biết được về thành thị trung đại, cư dân của thành thị và các hoạt động chính của thành thị. Thông hiểu :	02 (Câu 12,13)			

		- Giải thích được quá trình phong kiến hóa ở vương quốc Phơ-răng. - Giải thích (được) nguyên nhân ra đời của các thành thị trung đại; các hoạt động kinh tế trong thành thị. Vận dụng : - Phân tích được tác động của những việc làm của người Giéc-man đối với quá trình hình thành quan hệ sản xuất phong kiến châu Âu. - Phân tích được vai trò của nông nô trong lãnh địa. - Phân tích được vai trò của thành thị trung đại Tây Âu. Vận dụng cao : - Đánh giá được tác động của thành thị đối với sự phát triển của chế độ phong kiến Tây Âu.		02 (Câu 25,26)	1*	1**
	Bài 11. Tây Âu thời hậu kì trung đại	Nhận biết : - Biết được khái niệm phát kiến địa lí và các cuộc phát kiến địa lí tiêu biểu. - Nêu được khái niệm Văn hóa Phục hưng, biết được nội dung, thành tựu chính của phong trào Văn hóa Phục hưng. Thông hiểu : - Phân tích được nguyên nhân, kết quả của các cuộc phát kiến địa lí.	02 (Câu 14,15)	02		

			- Hiểu được nguyên nhân, kết quả của phong trào Văn hóa Phục hưng. Vận dụng : - Phân tích được hệ quả của các cuộc phát kiến địa lí. - Phân tích được tính chất của phong trào Văn hóa phục hưng. Vận dụng cao : - Đánh giá được tác động của các cuộc phát kiến địa lí đối với sự phát triển của thế giới sau này.		(Câu 27,28)	1*	1**
7	Ôn tập Lịch sử thế giới thời nguyên thủy, cổ đại và trung đại.	Bài 12. Ôn tập Lịch sử thế giới thời nguyên thủy, cổ đại và trung đại.	Nhận biết : Biết được những nội dung chính về xã hội phong kiến phương Đông và phương Tây.	01 (Câu 16)			
Tổng				16	12	01	01

Ghi chú:

- Với câu hỏi ở mức độ nhận biết và thông hiểu thì mỗi câu hỏi cần được ra ở một chỉ báo của mức độ kiến thức, kỹ năng cần kiểm tra, đánh giá tương ứng (1 gạch đầu dòng thuộc mức độ đó).

- (1*) Giáo viên có thể ra 1 câu hỏi cho đề kiểm tra ở cấp độ vận dụng ở đơn vị kiến thức ở Bài 2, hoặc Bài 3, hoặc Bài 4, hoặc Bài 5, hoặc bài 6+7, hoặc Bài 8, hoặc Bài 9, hoặc bài 10, hoặc bài 11.

- (1**) Giáo viên có thể ra 1 câu hỏi cho đề kiểm tra ở cấp độ vận dụng ở đơn vị kiến thức ở Bài 4, hoặc Bài 5, hoặc Bài 8, hoặc Bài 9, hoặc bài 10, hoặc bài 11.

BẢNG ĐẶC TẢ KỸ THUẬT ĐỀ KIỂM TRA GIỮA KÌ II

MÔN: LỊCH SỬ 10 – THỜI GIAN LÀM BÀI: 45 PHÚT

T T	Nội dung kiến thức	Đơn vị kiến thức	Mức độ kiến thức, kỹ năng cần kiểm tra, đánh giá	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức			
				Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao
1	Việt Nam từ thời cổ đại đến thế kỉ X	Bài 14. Các quốc gia cổ đại trên đất nước Việt Nam	Nhận biết: - Biết được quá trình hình thành của các quốc gia: Văn Lang - Âu Lạc; Cham pa và Phù Nam. Thông hiểu: - Hiểu được những nét khái quát về tình hình kinh tế, văn hoá, xã hội của các quốc gia Văn Lang – Âu Lạc, Cham-pa và Phù Nam. Vận dụng: - Phân tích được cơ sở và điều kiện dẫn tới sự hình thành nhà nước Văn Lang. Vận dụng cao: - Đánh giá được vai trò, ý nghĩa của sự ra đời các quốc gia cổ đại trên đất nước Việt Nam.	1	1	1*	1**
		Bài 15 và 16: Thời Bắc thuộc và các cuộc đấu tranh giành độc lập dân tộc (từ thế kỉ II TCN đến	Nhận biết: - Biết được chính sách cai trị của các triều đại phong kiến phương Bắc: tổ chức bộ máy cai trị, bóc lột về kinh tế và đồng hoá về văn hoá.	2			

T T	Nội dung kiến thức	Đơn vị kiến thức	Mức độ kiến thức, kĩ năng cần kiểm tra, đánh giá	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức			
				Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao
		đầu thế kỉ X).	- Trình bày được những nét chính về các cuộc khởi nghĩa tiêu biểu: khởi nghĩa Hai Bà Trưng, khởi nghĩa Lý Bí và sự thành lập nước Vạn Xuân, khởi nghĩa Khúc Thừa Dụ, Ngô Quyền và chiến thắng Bạch Đằng. Thông hiểu: - Giải thích được mục đích của các chính sách cai trị của các triều đại phong kiến phương Bắc. - Giải thích được nguyên nhân, ý nghĩa của các cuộc khởi nghĩa tiêu biểu thời Bắc thuộc.		1	0	0
2	Việt Nam từ thế kỉ X đến thế kỉ XV	Bài 17: Quá trình hình thành và phát triển của nhà nước phong kiến (Từ thế kỉ X đến thế kỉ XV)	Nhận biết: - Nêu được sự thành lập các triều đại phong kiến: Ngô - Đinh - Tiền Lê - Lý - Trần - Hồ - Lê Sơ. - Biết được chính sách đối nội (quan tâm tới đời sống của nhân dân, đoàn kết các dân tộc), đối ngoại (khéo léo song luôn giữ vững tư thế của một quốc gia độc lập, tự chủ). Thông hiểu: - Hiểu được khái quát sự hình thành nhà nước phong kiến thời Lê Thánh Tông. Sự	1	1		

T T	Nội dung kiến thức	Đơn vị kiến thức	Mức độ kiến thức, kĩ năng cần kiểm tra, đánh giá	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức			
				Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao
			hoàn chỉnh của luật pháp qua các bộ luật: Hình thư, Hình luật, Quốc triều hình luật (còn gọi là Luật Hồng Đức); quân đội được tổ chức chính quy, chính sách “ngụ binh ư nông”. Vận dụng: - Phân tích được ý nghĩa của cuộc cải cách hành chính thời vua Lê Thánh Tông. Vận dụng cao: - Nhận xét được chung về sự hoàn thiện của nhà nước phong kiến Việt Nam thời Lê.			1*	1**
		Bài 18: Công cuộc xây dựng và phát triển nền kinh tế trong các thế kỉ X - XV.	Nhận biết: - Biết được nông nghiệp ngày càng được mở rộng và phát triển: khai hoang ngày càng gia tăng, nhà nước quan tâm đến dê điều; - thủ công nghiệp phát triển: các triều đại đều lập các xưởng thủ công, các nghề trong dân gian ngày càng phát triển và tinh xảo hơn; thương nghiệp ngày càng phát triển ở các đô thị và nông thôn. Thông hiểu: - Giải thích được vì sao nông nghiệp nước ta thời kì này phát triển.	1	1		

T T	Nội dung kiến thức	Đơn vị kiến thức	Mức độ kiến thức, kĩ năng cần kiểm tra, đánh giá	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức			
				Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao
			Vận dụng: - Phân tích biểu hiện phát triển của kinh tế nước ta thời Lý, Trần, Lê. Vận dụng cao: - Đánh giá được ý nghĩa của sự phát triển kinh tế đối với sự phát triển của xã hội.			1*	1**
		Bài 19: Những cuộc kháng chiến chống ngoại xâm ở các thế kỉ X - XV.	Nhận biết: - Trình bày được những nét khái quát (diễn biến, kết quả, ý nghĩa) của các cuộc kháng chiến: hai lần chống Tống, các cuộc kháng chiến chống quân xâm lược Mông - Nguyên, chống quân xâm lược Minh và khởi nghĩa Lam Sơn. Thông hiểu: - Hiểu được nét chính về nghệ thuật quân sự trong các cuộc kháng chiến chống ngoại xâm thế kỉ X – XV. Vận dụng: - Phân tích nguyên nhân thắng lợi, ý nghĩa, đặc điểm của cuộc kháng chiến chống ngoại xâm thế kỉ X – XV. - So sánh được cuộc khởi nghĩa Lam Sơn với các cuộc kháng chiến chống Tống thời Lý,	2	1	1*	

T T	Nội dung kiến thức	Đơn vị kiến thức	Mức độ kiến thức, kĩ năng cần kiểm tra, đánh giá	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức			
				Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao
			Trần. Vận dụng cao: - Rút ra được nguyên nhân quan trọng nhất dẫn đến thắng lợi trong các cuộc kháng chiến chống ngoại xâm. - Rút ra được những bài học về truyền thống yêu nước từ những cuộc kháng chiến chống ngoại xâm ở thế kỉ X - XV.				1**
		Bài 20: Xây dựng và phát triển văn hoá dân tộc trong các thế kỉ X - XV.	Nhận biết: - Trình bày được nét chính về nghệ thuật kiến trúc, điêu khắc. - Kể được những công trình khoa học đặc sắc. Thông hiểu: - Hiểu được những nét chính về tư tưởng và tôn giáo : Nho giáo, Phật giáo và Đạo giáo, sự thay đổi vai trò thống trị về tư tưởng của Phật giáo và Nho giáo. - Hiểu được giáo dục ngày càng phát triển và có quy củ hơn; sự phát triển của văn học chữ Hán và chữ Nôm. - Hiểu được những nét khái quát về đặc điểm nổi bật của nghệ thuật kiến trúc, điêu khắc;	1	1		

T T	Nội dung kiến thức	Đơn vị kiến thức	Mức độ kiến thức, kĩ năng cần kiểm tra, đánh giá	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức			
				Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao
			sự hình thành và phát triển những loại hình sân khấu, đặc biệt là múa rối nước.			0	0
3	Việt Nam từ thế kỉ XVI đến thế kỉ XVIII	Bài 21: Những biến đổi của nhà nước phong kiến trong các thế kỉ XVI - XVIII.	Nhận biết: - Biết được những biến đổi của nhà nước phong kiến trong các thế kỉ XVI – XVIII. Thông hiểu: - Giải thích được nguyên nhân sụp đổ của nhà Lê; sự thành lập nhà Mạc; nguyên nhân đất nước bị chia cắt và (Bắc triều và Nam triều, Đàng Ngoài và Đàng Trong) và hậu quả của nó.	1	1	0	0
		Bài 22: Tình hình kinh tế ở các thế kỉ XVI – XVIII.	Nhận biết: - Trình bày được tình hình phát triển kinh tế ở các thế kỉ XVI – XVIII. Thông hiểu: - Giải thích được nguyên nhân phát triển của kinh tế hàng hoá. - Giải thích được vì sao khoa học - kĩ thuật không có điều kiện phát triển.	1			
		Bài 23: Phong trào Tây Sơn và sự nghiệp thống nhất đất nước, bảo vệ Tổ	Nhận biết: - Trình bày được phong trào Tây Sơn và sự nghiệp thống nhất đất nước (đánh đổ chúa Nguyễn, chúa Trịnh, bước đầu thống nhất đất nước).	1			

T T	Nội dung kiến thức	Đơn vị kiến thức	Mức độ kiến thức, kĩ năng cần kiểm tra, đánh giá	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức			
				Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao
		quốc cuối thế kỉ XVIII.	- Nêu được sự thành lập Vương triều Tây Sơn. - Trình bày được các chính sách kinh tế, chính trị, xã hội, văn hoá của Vương triều Tây Sơn. Thông hiểu: - Hiểu được nét chính về các cuộc kháng chiến chống ngoại xâm (chống quân Xiêm và quân Thanh). - Giải thích được nguyên nhân sụp đổ của Vương triều Tây Sơn. Vận dụng: - Phân tích được nguyên nhân thắng lợi, đặc điểm của cuộc kháng chiến chống ngoại xâm cuối thế kỉ XVIII. Vận dụng cao: - Đánh giá được vai trò của Nguyễn Huệ (Quang Trung) đối với sự nghiệp thống nhất đất nước và các cuộc kháng chiến chống ngoại xâm.		1	1*	1**
		Bài 24. Tình hình văn hoá ở các thế kỉ	Nhận biết: - Trình bày được sự phát triển của tư tưởng,	2			

T T	Nội dung kiến thức	Đơn vị kiến thức	Mức độ kiến thức, kĩ năng cần kiểm tra, đánh giá	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức			
				Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao
		XVI - XVIII	giáo dục, nghệ thuật và khoa học - kĩ thuật. Thông hiểu: - Hiểu được tình hình văn hoá ở các thế kỉ XVI - XVIII: Nho giáo suy thoái, sự du nhập của đạo Thiên Chúa. Vận dụng: - Phân tích được những biểu hiện cho thấy nét đẹp trong tín ngưỡng dân gian Việt Nam. Vận dụng cao: - Liên hệ việc bảo tồn và phát huy nét đẹp trong tín ngưỡng truyền thống của dân tộc.		1	1*	1**
4	Việt Nam ở nửa đầu thế kỉ XIX	Bài 25: Tình hình chính trị, kinh tế, văn hoá dưới triều Nguyễn (Nửa đầu thế kỉ XIX).	Nhận biết: - Biết được dưới triều Nguyễn nhà nước phong kiến tập quyền được xây dựng và củng cố : quyền hành của vua, luật pháp, quân đội ; quan hệ ngoại giao khép kín. - Biết được một số chính sách của nhà Nguyễn về kinh tế. - Nêu được sự phát triển văn học chữ Nôm và kiến trúc. Thông hiểu: - Hiểu được dưới triều Nguyễn nhà nước phong kiến tập quyền được xây dựng và	2	1	0	0

T T	Nội dung kiến thức	Đơn vị kiến thức	Mức độ kiến thức, kỹ năng cần kiểm tra, đánh giá	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức			
				Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao
			củng cố: quyền hành của vua, luật pháp, quân đội; quan hệ ngoại giao khép kín.				
		Bài 26: Tình hình xã hội ở nửa đầu thế kỉ XIX và phong trào đấu tranh của nhân dân	Nhận biết: - Biết được tình hình xã hội và đời sống nhân dân ở nửa đầu thế kỉ XIX. Thông hiểu: - Giải thích được tình hình xã hội dưới triều Nguyễn không ổn định, nhiều cuộc đấu tranh, khởi nghĩa của nông dân, dân tộc ít người liên tục diễn ra.	1	1	0	0
Tổng				16	12	1	1

Lưu ý:

- Với câu hỏi ở mức độ nhận biết và thông hiểu thì mỗi câu hỏi cần được ra ở một chỉ báo của mức độ kiến thức, kỹ năng cần kiểm tra, đánh giá tương ứng (1 gạch đầu dòng thuộc mức độ đó).
- (1*) Giáo viên có thể ra 1 câu hỏi cho đề kiểm tra ở cấp độ vận dụng ở đơn vị kiến thức: **Bài 14, hoặc Bài 17, Bài 18, Bài 19, Bài 23, Bài 24**
- (1**) Giáo viên có thể ra 1 câu hỏi cho đề kiểm tra ở cấp độ vận dụng cao ở đơn vị kiến thức: **Bài 14, hoặc Bài 17, Bài 18, Bài 19, Bài 23,**

BẢNG ĐẶC TẢ KỸ THUẬT ĐỀ KIỂM TRA CUỐI KÌ II

MÔN: LỊCH SỬ 10 – THỜI GIAN LÀM BÀI: 45 PHÚT

TT	Nội dung kiến thức	Đơn vị kiến thức	Mức độ kiến thức, kỹ năng cần kiểm tra, đánh giá	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức			
				Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao
1	Việt Nam từ thời cổ đại đến thế kỉ X	Bài 14: Các quốc gia cổ đại trên đất nước Việt Nam.	Nhận biết: - Biết được quá trình hình thành của quốc gia Văn Lang-Âu Lạc; Cham-pa và Phù Nam. Thông hiểu: - Hiểu được những nét khái quát về tình hình kinh tế, văn hoá, xã hội của các quốc gia Văn Lang-Âu Lạc; Cham-pa và Phù Nam. Vận dụng: - Phân tích (được) cơ sở và điều kiện dẫn tới sự hình thành nhà nước Văn Lang. Vận dụng cao: - Đánh giá được vai trò, ý nghĩa của sự ra đời các quốc gia cổ đại trên đất nước Việt Nam.	01		1*	1**

		Bài 15 & bài 16: Thời Bắc thuộc và các cuộc đấu tranh giành độc lập dân tộc <i>(từ thế kỉ II TCN</i> <i>đến đầu thế kỉ X).</i>	Nhận biết: - Biết được chính sách cai trị của các triều đại phong kiến phương Bắc: tổ chức bộ máy cai trị, bóc lột về kinh tế và đồng hoá về văn hoá. - Trình bày những nét chính của một số cuộc khởi nghĩa tiêu biểu: khởi nghĩa Hai Bà Trưng, cuộc khởi nghĩa Lý Bí và sự thành lập nước Vạn Xuân, cuộc khởi nghĩa Khúc Thừa Dụ, Ngô Quyền và chiến thắng Bạch Đằng. Thông hiểu: - Giải thích được mục đích của các chính sách cai trị của các triều đại phong kiến phương Bắc. - Hiểu được nguyên nhân, ý nghĩa của các cuộc khởi nghĩa tiêu biểu thời Bắc thuộc.				
2	Việt Nam từ thế kỉ X đến thế kỉ XV	Bài 17: Quá trình hình thành và phát triển của nhà nước phong kiến <i>(Từ thế kỉ X đến</i> <i>thế kỉ XV)</i>	Nhận biết: - <i>Nêu được sự thành lập các triều đại phong kiến: Ngô - Đinh - Tiền Lê - Lý - Trần - Hồ - Lê Sơ.</i> - <i>Biết được khái quát sự hình thành nhà nước phong kiến thời Lê Thánh Tông (và) sự hoàn chỉnh của luật pháp qua các bộ luật: Hình thư, Hình luật, Quốc triều hình luật (còn gọi là Luật Hồng Đức); quân đội được tổ chức chính quy, chính sách “ngụ binh ư nông”.</i> Thông hiểu: - <i>Hiểu được chính sách đối nội (quan tâm tới đời sống của nhân dân, đoàn kết các dân tộc), đối ngoại (khéo léo song luôn giữ vững tư thế của một quốc gia độc lập, tự chủ).</i> Vận dụng: - Phân tích được ý nghĩa của cuộc cải cách hành chính	01	01	1*	

			thời vua Lê Thánh Tông. Vận dụng cao: - Nhận xét (được) về sự hoàn thiện của nhà nước phong kiến Việt Nam thời Lê.				1**
3		Bài 18: Công cuộc xây dựng và phát triển nền kinh tế trong các thế kỉ X - XV.	Nhận biết: - Biết được nông nghiệp ngày càng được mở rộng và phát triển: khai hoang ngày càng gia tăng, nhà nước quan tâm đến đê điều; thủ công nghiệp phát triển: các triều đại đều lập các xưởng thủ công, các nghề trong dân gian ngày càng phát triển và tinh xảo hơn; thương nghiệp ngày càng phát triển ở các đô thị và nông thôn. Thông hiểu: - Giải thích vì sao nông nghiệp nước ta thời kì này phát triển. Vận dụng: - Phân tích được biểu hiện phát triển của kinh tế nước ta thời Lý, Trần, Lê. Vận dụng cao: - Đánh giá ý nghĩa của sự phát triển kinh tế đối với sự phát triển của xã hội.			1*	1**
		Bài 19: Những cuộc kháng chiến chống ngoại xâm ở các thế kỉ X - XV.	Nhận biết: - Trình bày những nét khái quát (diễn biến, kết quả, ý nghĩa) của các cuộc kháng chiến: hai lần chống Tống, các cuộc kháng chiến chống quân xâm lược Mông - Nguyên, chống quân xâm lược Minh và khởi nghĩa Lam Sơn. Thông hiểu: - Hiểu được nguyên nhân dẫn đến các cuộc kháng chiến chống ngoại xâm thế kỉ X – XV. Vận dụng: - Phân tích nguyên nhân thắng lợi, ý nghĩa, đặc				

			điểm của cuộc kháng chiến chống ngoại xâm thế kỉ X – XV. - So sánh được với các cuộc kháng chiến chống Tống thời Lý, Trần. Vận dụng cao: - Rút ra được nguyên nhân quan trọng nhất dẫn đến thắng lợi trong các cuộc kháng chiến chống ngoại xâm. - Từ những nét chính về các cuộc kháng chiến chống ngoại xâm rút ra được những bài học về truyền thống yêu nước.				1**
		Bài 20: Xây dựng và phát triển văn hoá dân tộc trong các thế kỉ X - XV.	Nhận biết: - Biết được những nét chính về tư tưởng và tôn giáo: Nho giáo, Phật giáo và Đạo giáo. - Trình bày (được) nét chính về nghệ thuật kiến trúc, điêu khắc. - Kể được những công trình khoa học đặc sắc. Thông hiểu: - Hiểu được sự thay đổi vai trò thống trị về tư tưởng của Phật giáo và Nho giáo. - Hiểu được sự phát triển của văn học chữ Hán và chữ Nôm. - Hiểu những nét khái quát về đặc điểm nổi bật của nghệ thuật kiến trúc, điêu khắc; sự hình thành và phát triển những loại hình sân khấu, đặc biệt là múa rối nước.				
3	Việt Nam từ thế kỉ XVI	Bài 21: Những biến đổi của nhà nước phong kiến trong các thế kỉ XVI - XVIII.	Nhận biết: - Biết được khái quát về những biến đổi của nhà nước phong kiến trong các thế kỉ XVI – XVIII. Thông hiểu: - Hiểu được nguyên nhân sụp đổ của nhà Lê; sự thành lập nhà Mạc; nguyên nhân đất nước bị chia	02			

	đến thế kỉ XVIII		cất (Bắc triều và Nam triều, Đàng Ngoài và Đàng Trong) và hậu quả của nó.				
	Bài 22: Tình hình kinh tế ở các thế kỉ XVI – XVIII.	Nhận biết: - Trình bày được tình hình phát triển kinh tế ở các thế kỉ XVI – XVIII. Thông hiểu: - Giải thích được nguyên nhân phát triển của kinh tế hàng hoá. - Giải thích được khoa học - kĩ thuật không có điều kiện phát triển.			01		
	Bài 23: Phong trào Tây Sơn và sự nghiệp thống nhất đất nước, bảo vệ Tổ quốc cuối thế kỉ XVIII.	Nhận biết: - Trình bày được phong trào Tây Sơn và sự nghiệp thống nhất đất nước (đánh đổ chúa Nguyễn, chúa Trịnh, bước đầu thống nhất đất nước). - Nêu được sự thành lập Vương triều Tây Sơn. - Trình bày được các chính sách kinh tế, chính trị, xã hội, văn hoá của Vương triều Tây Sơn. Thông hiểu: - Hiểu được được nét chính về các cuộc kháng chiến chống ngoại xâm (chống quân Xiêm và quân Thanh). - Giải thích được nguyên nhân sụp đổ của Vương triều Tây Sơn. Vận dụng: - Phân tích được nguyên nhân thắng lợi, đặc điểm của cuộc kháng chiến chống ngoại xâm cuối thế kỉ XVIII. Vận dụng cao: - Đánh giá được vai trò của Nguyễn Huệ (Quang Trung) đối với sự nghiệp thống nhất đất nước và các cuộc kháng chiến chống ngoại xâm.					

		Bài 24: Tình hình văn hóa ở các thế kỉ XVI-XVIII.	Nhận biết: - Trình bày được sự phát triển của tư tưởng, giáo dục, nghệ thuật và khoa học - kĩ thuật. - Biết được tình hình văn hoá ở các thế kỉ XVI - XVIII: Nho giáo suy thoái, sự du nhập của đạo Thiên Chúa. Thông hiểu: - Hiểu được nguyên nhân suy thoái của nho giáo, nở rộ của văn hóa tín ngưỡng dân gian, sự du nhập thiên chúa giáo. Vận dụng: - Xác định được những biểu hiện cho thấy nét đẹp trong tín ngưỡng dân gian Việt Nam. Vận dụng cao: - Liên hệ được)việc bảo tồn và phát huy nét đẹp trong tín ngưỡng truyền thống của dân tộc.			1*	1**
4	Việt Nam ở nửa đầu thế kỉ XIX	Bài 25: Tình hình chính trị, kinh tế, văn hoá dưới triều Nguyễn (Nửa đầu thế kỉ XIX).	Nhận biết - Biết được dưới triều Nguyễn nhà nước phong kiến tập quyền được xây dựng và củng cố : quyền hành của vua, luật pháp, quân đội ; quan hệ ngoại giao khép kín. - Biết được một số chính sách của nhà Nguyễn về kinh tế. - Nêu được sự phát triển văn học chữ Nôm và kiến trúc. Thông hiểu: - Hiểu được dưới triều Nguyễn nhà nước phong kiến tập quyền được xây dựng và củng cố: quyền hành của vua, luật pháp, quân đội; quan hệ ngoại giao khép kín.	01	01		

		Bài 26: Tình hình xã hội ở nửa đầu thế kỉ XIX và phong trào đấu tranh của nhân dân	Nhận biết: - Biết được tình hình xã hội và đời sống nhân dân ở nửa đầu thế kỉ XIX. Thông hiểu: - Giải thích được tình hình xã hội dưới triều Nguyễn không ổn định, nhiều cuộc đấu tranh, khởi nghĩa của nông dân, dân tộc ít người liên tục diễn ra.				
5	Các cuộc cách mạng tư sản giữa thế kỉ XVI đến cuối thế kỉ XVIII	Bài 29: Cách mạng tư sản Anh.	Nhận biết: - Nêu được sự chuyển biến kinh tế - xã hội dẫn đến các cuộc cách mạng tư sản đầu tiên. - Biết được nét chính về cách mạng tư sản Anh giữa thế kỉ XVII: Nguyên nhân sâu xa, duyên cớ trực tiếp; Diễn biến chính (các hình thức cách mạng); Kết quả cuộc cách mạng. Thông hiểu: - Hiểu được hình thức và ý nghĩa lịch sử của cuộc cách mạng tư sản Anh.	01			

		Bài 30: Chiến tranh giành độc lập của các thuộc địa Anh ở Bắc Mỹ	Nhận biết: - Trình bày được chiến tranh giành độc lập của các thuộc địa Anh ở Bắc Mỹ: nguyên nhân, diễn biến, Tuyên ngôn độc lập; “Tuyên ngôn độc lập”, thành lập Hợp chúng quốc Mỹ. Thông hiểu: - Hiểu được hình thức và ý nghĩa của cuộc chiến tranh giành độc lập của các thuộc địa Anh ở Bắc Mỹ. Vận dụng cao: - Liên hệ (được) tuyên ngôn của Mỹ với tuyên ngôn độc lập của nước Việt Nam dân chủ cộng hòa.	02	02		1**
		Bài 31: Cách mạng tư sản Pháp cuối thế kỉ XVIII	Nhận biết: - Biết (được) diễn biến chính qua các giai đoạn cách mạng Pháp: nền quân chủ lập hiến, nền cộng hoà, nền chuyên chính dân chủ cách mạng, chiến tranh cách mạng. Thông hiểu: - Hiểu được tiền đề, ý nghĩa, tính chất của cuộc cách mạng tư sản Pháp. Vận dụng: - Phân tích được tình hình kinh tế và các mâu thuẫn giai cấp, xã hội trước cách mạng. - Phân tích được nội dung cơ bản “Tuyên ngôn Nhân quyền và Dân quyền” - Chứng minh được thời kì chuyên chính Giacôbanh là đỉnh cao của Cách mạng tư sản Pháp. - Phân tích được tính chất, ý nghĩa lịch sử của cách mạng tư sản Pháp. Vận dụng cao: - Đánh giá được cuộc cách mạng tư sản Pháp là	01	01	1*	

			cuộc cách mạng tư sản triệt để. - Liên hệ (được) tuyên ngôn Nhân quyền - dân quyền của Pháp với tuyên ngôn độc lập của nước Việt Nam dân chủ cộng hòa.				1**
6	Các nước Âu -Mĩ (Từ đầu thế kỉ XIX đến đầu thế kỉ XX)	Bài 32: Cách mạng công nghiệp ở châu Âu.	Nhận biết: - Nêu được tiến trình cách mạng công nghiệp ở Anh. Những phát minh và sử dụng máy móc. Thông hiểu: - Hiểu được hệ quả của cách mạng công nghiệp: Sự hình thành nền sản xuất mới, tạo ra biến đổi về mặt xã hội: hình thành hai giai cấp cơ bản của xã hội tư bản (tư sản công nghiệp và vô sản công nghiệp). - Hiểu được phát minh ra máy Hơi nước của Giêm - Oát là quan trọng nhất Vận dụng: - Phân tích được quá trình chuyển từ lao động thủ công sang lao động cơ khí trong các lĩnh vực kinh tế.	01	01	1*	
		Bài 33: Hoàn thành cách mạng tư sản ở châu Âu và Mĩ giữa thế kỉ XIX.	Nhận biết: - Biết được hình thức thống nhất nước Đức và Italia “<i>Từ trên xuống</i>” và “<i>từ dưới lên</i>”. - Biết được diễn biến chính, kết quả của cuộc nội chiến Mĩ. Thông hiểu: - Giải thích được hình thức và ý nghĩa của nội chiến ở Mĩ. - Phân tích được nguyên nhân thắng lợi của hàng loạt các cuộc CMTS ở châu Âu và Mĩ.	01	01		

		Bài 34: Các nước tư bản chủ nghĩa tư bản chuyển sang giai đoạn đế quốc chủ nghĩa.	Nhận biết: - Nêu được các thành tựu tiêu biểu khoa học tự nhiên, kĩ thuật cuối thế kỉ XIX - đầu thế kỉ XX Thông hiểu: - Giải thích được sự tiến bộ của khoa học – kĩ thuật cuối thế kỉ XIX - đầu thế kỉ XX Vận dụng: - Phân tích được vai trò của khoa học - kĩ thuật đối với sự phát triển của chủ nghĩa tư bản. Vận dụng cao: - Đánh giá được ảnh hưởng của KH-KT đối với việc phát triển của sức sản xuất - Liên hệ được đến vai trò của KH-KT đến sự phát triển của Việt Nam hiện nay.	01	01	1*	1**
7	Phong trào công nhân từ đầu TK XIX đến đầu TK XX	Bài 36: Sự hình thành giai cấp công nhân.	Nhận biết: - Biết được những phong trào đấu tranh chính trị quan trọng của công nhân ở Pháp, Anh, Đức trong những năm 30 - 40 của thế kỉ XIX. - Biết được sự ra đời của chủ nghĩa xã hội không tưởng: nguồn gốc, nội dung cơ bản. Thông hiểu: Hiểu được những hạn chế, ý nghĩa của CNXH không tưởng.	01	01		
		Bài 37: Mác, Ăng-ghe-n. Sự ra đời của chủ nghĩa xã hội khoa học	Nhận biết: - Nêu được sự ra đời của CNXH khoa học; nét chính và cuộc đời và sự nghiệp của C.Mác và Ph. Ăng-ghe-n. Thông hiểu: - Hiểu được một số nội dung Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản (một số đoạn trích).	01			
		Bài 38: Quốc tế thứ nhất và Công xã Pa-ri 1871.	Nhận biết: - Biết (được) những nét chính về Quốc tế thứ nhất - Biết (được) những nét chính về Cuộc chiến đấu anh dũng của các chiến sĩ Công xã Pa-ri.	01			

			Thông hiểu: - Hiểu (được) những đóng góp của Quốc tế thứ nhất đối với phong trào công nhân quốc tế. - Công xã Pa-ri: nguyên nhân ra đời, hoạt động và vai trò lịch sử. (Giải thích được nguyên nhân ra đời, hoạt động và vai trò lịch sử của Công xã Pa-ri) Vận dụng: - Phân tích được Công xã Pá - Nhà nước vô sản đầu tiên thể hiện bản chất nhà nước kiểu mới. - Phân tích được ý nghĩa lịch sử, bài học của Công xã Pa-ri.		01	1*	
		Bài 40: Lê-nin và phong trào công nhân Nga đầu thế kỉ XX.	Nhận biết: - Biết những nét chính hoạt động của Lê- nin trong phong trào công nhân Nga đầu TK XX - Nêu được cách mạng Nga 1905-1907. Thông hiểu: - Hiểu được tính chất, ý nghĩa của cuộc cách mạng. Vận dụng cao: - Đánh giá (được) vai trò của Lê -nin trong việc lãnh đạo cách mạng Nga và phát triển của chủ nghĩa Mác trong thời kì mới.	01			1**
Tổng				16	13	1	1

Ghi chú:

- Với câu hỏi ở mức độ nhận biết và thông hiểu thì mỗi câu hỏi cần được ra ở một chỉ báo của mức độ kiến thức, kỹ năng cần kiểm tra, đánh giá tương ứng (1 gạch đầu dòng thuộc mức độ đó).

- (1*) Giáo viên có thể ra 1 câu hỏi cho đề kiểm tra ở cấp độ vận dụng ở đơn vị kiến thức: **Bài 14** hoặc **bài 17**, hoặc **bài 18** hoặc **bài 19** hoặc **bài 23** hoặc **bài 24** hoặc **bài 31** hoặc **bài 32** hoặc **bài 34** hoặc **bài 38**.

- (1**) Giáo viên có thể ra 1 câu hỏi cho đề kiểm tra ở cấp độ vận dụng cao ở đơn vị kiến thức: **Bài 14** hoặc **bài 17**, hoặc **bài 18** hoặc **bài 19** hoặc **bài 23** hoặc **bài 24** hoặc **bài 31** hoặc **bài 40**.

c) Đề minh họa; đáp án và hướng dẫn chấm

2. Bản đặc tả

**BẢNG ĐẶC TẢ KỸ THUẬT ĐỀ KIỂM TRA GIỮA KÌ I LỚP 11
MÔN: LỊCH SỬ – THỜI GIAN LÀM BÀI: 45’**

TT	Nội dung kiến thức	Đơn vị kiến thức	Mức độ kiến thức, kỹ năng cần kiểm tra, đánh giá	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức			
				Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao
1		BÀI 1: NHẬT BẢN	Nhận biết: - Biết được những nét chính về tình hình Nhật Bản từ đầu TK XIX đến trước năm 1868; (C1) - Biết được nội dung chính của cải cách Minh Trị. (C2)	2			

TT	Nội dung kiến thức	Đơn vị kiến thức	Mức độ kiến thức, kỹ năng cần kiểm tra, đánh giá	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức			
				Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao
CHƯƠNG I CÁC NƯỚC CHÂU Á, CHÂU PHI VÀ KHU VỰC MĨ LA TINH (TK XIX –			- Biết được những sự kiện chứng tỏ Nhật Bản đã chuyển sang giai đoạn đế quốc chủ nghĩa; (C3) - Biết được kết quả của cải cách Minh Trị.	1			
			Thông hiểu: - Hiểu được ý nghĩa của cải cách Minh Trị. (C18)		1		
			- Hiểu được tính chất của cải cách Minh Trị. - Hiểu được đặc điểm của đế quốc Nhật. (C17)		1		
			Vận dụng: - So sánh được điểm tương đồng về hoàn cảnh của Nhật Bản vào giữa TK XIX với các nước ở Châu Á và thấy được sự khác biệt trong chính sách và kết quả.			1*	
			Vận dụng cao: - Rút ra được bài học từ cải cách Minh Trị của Nhật Bản, liên hệ cải cách này với các đề nghị cải cách ở Việt Nam đầu thế kỉ XX				1**
		BÀI 2: ẤN ĐỘ	Nhận biết: - Biết được những nét lớn chính trong chính sách thống trị của thực dân Anh ở Ấn Độ và chuyển biến về kinh tế, chính trị, xã hội. (C4)	1			

TT	Nội dung kiến thức	Đơn vị kiến thức	Mức độ kiến thức, kỹ năng cần kiểm tra, đánh giá	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức			
				Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao
	ĐẦU TK XX)		- Nêu được sự ra đời, hoạt động, sự phân hóa của Đảng Quốc Đại. (C5; C6)	2			
			Thông hiểu: - Hiểu được tác động của chính sách thống trị của thực dân Anh đến sự chuyển biến về kinh tế, xã hội của Ấn Độ. (C19)		1		
			- Phân tích được hạn chế trong mục tiêu đấu tranh của Đảng Quốc đại. (C20) - Hiểu được nguyên nhân dẫn đến sự phân hóa Đảng Quốc Đại.		1		
	BÀI 3: TRUNG QUỐC		Nhận biết: - Biết được các sự kiện lịch sử quan trọng, phong trào Thái bình Thiên quốc, cải cách Mậu Tuất (1898) (C7) - Biết được diễn biến chính, kết quả của cách mạng Tân Hợi	1			
			- Biết được sự ra đời và hoạt động của Trung quốc Đồng minh hội. (C8)	1			
			Thông hiểu: - Hiểu được tính chất; ý nghĩa của cách mạng Tân Hợi. (C21) - Hiểu được hạn chế trong mục tiêu đấu tranh của Trung Quốc Đồng minh hội - Hiểu được nguyên nhân thất bại của các phong trào đấu tranh ở Trung		2		

TT	Nội dung kiến thức	Đơn vị kiến thức	Mức độ kiến thức, kỹ năng cần kiểm tra, đánh giá	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức			
				Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao
			Quốc cuối TK XIX đầu thế kỉ XX (C22).				
			Vận dụng : - Nhận xét được về phong trào đấu tranh của nhân dân Trung Quốc cuối TK XIX đầu thế kỉ XX			1*	
		BÀI 4: CÁC NƯỚC ĐÔNG NAM Á CUỐI THẾ KỈ XIX ĐẦU THẾ KỈ XX	Nhận biết: - Biết được nét chính về quá trình xâm lược của các nước thực dân phương Tây. (C9)	1			
			- Nêu được diễn biến chính, kết quả các cuộc khởi nghĩa chống thực dân Pháp của nhân dân Lào, Cam – pu- chia. (C10)	1			
			- Nêu được các biện pháp, kết quả cải cách của vua Ra-ma V (C11)	1			
			Thông hiểu. - Giải thích được nguyên nhân các nước thực dân Phương Tây xâm lược các nước Đông Nam Á. - Nhận xét (Giải thích được) chung về phong trào đấu tranh của Lào, Cam – pu- chia		1		

TT	Nội dung kiến thức	Đơn vị kiến thức	Mức độ kiến thức, kỹ năng cần kiểm tra, đánh giá	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức			
				Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao
			- Hiểu được ý nghĩa cải cách của Rama V. (C23) (C24) - Hiểu được xu thế mới trong phong trào giải phóng dân tộc ở Đông Nam Á.		1		
			Vận dụng : - Chứng minh được biểu hiện tinh thần đoàn kết chiến đấu của nhân dân Lào – Việt Nam – Cam-pu-chia trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược cuối TK XIX đầu TK XX.				
			Vận dụng cao: - Liên hệ (được) về tinh thần đoàn kết của nhân dân 3 nước Đông Dương trong giai đoạn hiện nay.				1**
		BÀI 5: CÁC NƯỚC Á, PHI, MĨ LA TINH CUỐI THẾ KỈ XIX	Nhận biết: - Biết được những nét chung về tình hình của châu lục, khu vực. (C12) - Biết được quá trình xâm lược của các nước thực dân phương Tây (C13)	1			
			- Trình bày được những cuộc đấu tranh tiêu biểu của nhân dân châu Phi và khu vực Mĩ latin. - Nêu được những biểu hiện chính sách bành trướng của Mĩ ở khu vực Mĩ Latinh.	1			

TT	Nội dung kiến thức	Đơn vị kiến thức	Mức độ kiến thức, kĩ năng cần kiểm tra, đánh giá	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức			
				Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao
		ĐẦU THẾ KỈ XX	Thông hiểu: - Hiểu được nguyên nhân dẫn đến phong trào đấu tranh của nhân dân Châu Phi và Mĩ Latinh và kết quả của những cuộc đấu tranh đó. (C25)		1		
			- Hiểu được nguyên nhân dẫn đến sự thất bại của phong trào đấu tranh của nhân dân châu Phi, Mĩ Latinh. (C26)		1		
			Vận dụng : - So sánh được một số tiêu chí với phong trào đấu tranh của các nước Đông Nam Á (hoàn cảnh, kết quả, nguyên nhân thất bại...)			1*	
2	CHƯƠNG II - CHIẾN TRANH THẾ GIỚI THỨ NHẤT (1914 – 1918)	BÀI 6: CHIẾN TRANH THẾ GIỚI THỨ NHẤT (1914 – 1918)	Nhận biết: - Biết được mâu thuẫn của các nước đế quốc và sự hình thành 2 khối quân sự đối đầu ở Châu Âu vào cuối thế kỉ XIX đầu thế kỉ XX (C14)	1			
			- Biết được những sự kiện lớn trong diễn biến của chiến tranh thế giới thứ nhất. - Nêu được kết cục của chiến tranh. (C15) (C16)	2			
			Thông hiểu: - Hiểu được nguyên nhân sâu xa và duyên cớ dẫn đến chiến tranh thế giới 1 bùng nổ. (C28) - Hiểu được tính chất của cuộc chiến tranh thế giới thứ nhất.		1		

TT	Nội dung kiến thức	Đơn vị kiến thức	Mức độ kiến thức, kỹ năng cần kiểm tra, đánh giá	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức			
				Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao
			- Hiểu được vì sao Mĩ tham chiến muộn. - Hiểu được ý nghĩa sự kiện thắng lợi của cách mạng tháng Mười Nga và việc thành lập nhà nước Xô Viết (C28)		1		
			Vận dụng : - Phân tích được mâu thuẫn giữa các nước đế quốc – con đường dẫn đến chiến tranh.			1*	
			Vận dụng cao: - Cảm nhận/đánh giá được hậu quả của chiến tranh đối với nhân loại và liên hệ với trách nhiệm của bản thân trong giữ gìn hòa bình.				1**
Tổng				16	12	1	1

Lưu ý:

- Với câu hỏi ở mức độ nhận biết và thông hiểu thì mỗi câu hỏi cần được ra ở một chỉ báo của mức độ kiến thức, kỹ năng cần kiểm tra, đánh giá tương ứng (1 gạch đầu dòng thuộc mức độ đó). - (1*) Giáo viên có thể ra 1 câu hỏi cho đề kiểm tra ở cấp độ vận dụng ở đơn vị kiến thức: hoặc Bài 1 hoặc Bài 3 hoặc Bài 4 hoặc hoặc Bài 6
- (1**) Giáo viên có thể ra 1 câu hỏi cho đề kiểm tra ở cấp độ vận dụng ở đơn vị kiến thức: hoặc Bài 1 hoặc Bài 4 hoặc Bài 6

ĐẶC TẢ KỸ THUẬT ĐỀ KIỂM TRA CUỐI KÌ I
MÔN: LỊCH SỬ LỚP 11– THỜI GIAN LÀM BÀI: 45 phút

T T	Nội dung kiến thức	Đơn vị kiến thức	Mức độ kiến thức, kỹ năng cần kiểm tra, đánh giá	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức			
				Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao

1	Các nước châu Á, châu Phi và khu vực Mỹ Latinh (Thế kỉ XIX-đầu thế kỉ XX)	Bài 1: Nhật Bản Bài 2: Ấn Độ Bài 3: Trung Quốc Bài 4: Các nước Đông Nam Á (Cuối thế kỉ XIX-đầu thế kỉ XX) Bài 5: Châu Phi và Khu vực Mỹ Latinh (Thế kỉ XIX-đầu thế kỉ XX)	Nhận biết: - Biết được sự xâm lược của chủ nghĩa thực dân phương Tây đối với các nước châu Á, châu Phi và các nước Mỹ Latinh (thế kỉ XIX- đầu thế kỉ XX). - Nhận ra được sự chuyển biến về chính trị, kinh tế - xã hội ở các nước châu Á, châu Phi và các nước Mỹ Latinh (thế kỉ XIX- đầu thế kỉ XX). - Biết được những nét chính về tình hình Nhật Bản từ đầu thế kỉ XIX đến trước năm 1868; nội dung chính của cải cách Minh Trị ở Nhật Bản từ năm 1868; - Biết được nguyên nhân, diễn biến và kết quả của cuộc cách mạng Tân Hợi 1911 ở Trung Quốc. - Biết được sự ra đời và hoạt động của Đảng Quốc đại ở Ấn Độ (1885-1908) (C1) - Biết được một số cuộc đấu tranh chống thực dân tiêu biểu ở các nước châu Á, châu Phi và các nước Mỹ Latinh (thế kỉ XIX-đầu thế kỉ XX) và kết quả của các cuộc đấu tranh đó.	1			
---	--	--	---	---	--	--	--

			Thông hiểu: - Giải thích được nguyên nhân dẫn đến các nước thực dân Âu-Mĩ xâm lược các nước châu Á, châu Phi và các nước Mĩ Latinh (thế kỉ XIX-đầu thế kỉ XX). (C17) - Hiểu được ý nghĩa của cải cách Minh Trị ở Nhật Bản từ năm 1868 và ý nghĩa của cuộc cách mạng Tân Hợi năm 1911 ở Trung Quốc. - Hiểu được tính chất của cải cách Minh Trị ở Nhật Bản từ năm 1868 và tính chất của cuộc cách mạng Tân Hợi năm 1911 ở Trung Quốc.		1		
			Vận dụng: So sánh được tình hình Nhật Bản và Việt Nam vào giữa thế kỉ XIX.			1*	
2	Chiến tranh thế giới thứ nhất (1914-1918)	Bài 6: Chiến tranh thế giới nhất (1914-1918)	Nhận biết: - Biết được mâu thuẫn của các nước đế quốc và sự hình thành hai khối quân sự đối đầu ở châu Âu vào cuối thế kỉ XIX đầu thế kỉ XX. (C2), (C3)	2			
			- Biết được hai giai đoạn và những sự kiện lớn của chiến tranh thế giới thứ nhất. (C4)				
			- Biết được kết cục của Chiến tranh thế giới thứ nhất.	1			
			Thông hiểu - Hiểu được nguyên nhân sâu xa và nguyên nhân trực tiếp dẫn đến sự bùng nổ của Chiến tranh thế giới thứ nhất. (C18)		1		
			- Hiểu được việc Mĩ tham chiến muộn trong chiến tranh. - Hiểu được tác động của cuộc Chiến tranh thế giới thứ nhất.				

			Vận dụng - Phân tích được mâu thuẫn giữa các nước đế quốc-con đường dẫn đến chiến tranh.			1*	
3	Những thành tựu văn hóa thời cận đại	Bài 7: Những thành tựu văn hóa thời cận đại Bài 8: Ôn tập lịch sử thế giới cận đại	Nhận biết: - Biết được các thành tựu về văn học, âm nhạc và hội họa thời kì này. (C5); (C6)	2			
			- Biết được những nội dung chính và những sự kiện tiêu biểu của lịch sử thế giới cận đại. (C7)	1			
			Thông hiểu: - Hiểu được giá trị và ý nghĩa của những thành tựu nói trên đối với đời sống con người thời cận đại. (C19)		1		
4	Cách mạng tháng mười Nga năm 1917 và công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Liên Xô (1921-1941)	Bài 9: Cách mạng tháng mười Nga năm 1917 và cuộc đấu tranh bảo vệ cách mạng (1917-1921) Bài 10: Liên Xô xây dựng chủ nghĩa xã hội (1921-1941)	Nhận biết: - Biết được tình hình nước Nga trước cách mạng tháng 2-1917; những sự kiện chính trong diễn biến của cách mạng tháng Hai và cách mạng tháng Mười năm 1917 ở Nga. (C8) - Biết được hoàn cảnh, nội dung và bản chất của Chính sách kinh tế mới; những thành tựu chính Liên Xô đạt được trong công cuộc khôi phục kinh tế và xây dựng chủ nghĩa xã hội (1921-1941).	1			
			Thông hiểu: - Hiểu được nguyên nhân dẫn đến sự bùng nổ, giai cấp lãnh đạo và lí giải được năm 1917 nước Nga tiến hành hai cuộc cách mạng. (C20)		1		

			- Hiểu được những nhiệm vụ Cách mạng tháng Hai và Cách mạng tháng Mười thực hiện. (C21) - Hiểu được ý nghĩa của Cách mạng tháng Mười.		1		
			- Hiểu được tính chất của cách mạng tháng Mười. (C22) - Hiểu được ý nghĩa của Chính sách kinh tế mới.		1		
			Vận dụng: - Phân tích, đánh giá được ý nghĩa của cuộc Cách mạng tháng Mười năm 1917 ở Nga. - Phân tích, đánh giá được ý nghĩa những thành tựu Liên Xô được trong giai đoạn 1921-1941. - Nhận ra được một số sai lầm, thiếu sót của trong giai đoạn 1925-1941 có ảnh hưởng đến sự phát triển của Liên Xô sau này			1*	
			Vận dụng cao: - Đánh giá được tác động của cách mạng tháng Mười đối với thế giới và Việt Nam. - Rút ra được bài học của Chính sách kinh tế mới và công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội đối với Việt Nam.				1**
5	Các nước tư bản chủ nghĩa giữa hai cuộc chiến tranh thế giới (1918-1939)	Bài 11: Tình hình các nước tư bản giữa hai cuộc chiến tranh thế giới (1918-1939)	Nhận biết: - Biết được tình hình châu Âu sau Chiến tranh thế giới thứ nhất. (C9)	1			
		Bài 12-14: Đức và Nhật Bản giữa hai	- Biết được quá trình nắm quyền của Đảng Quốc xã và chính sách của Chính phủ Hít-le (1933-1939) (C10); (C11)	2			

	cuộc chiến tranh thế giới (1918-1939) Bài 13: Nước Mĩ giữa hai cuộc chiến tranh thế giới (1918-1939)	Biết được quá trình quân phiệt hóa bộ máy nhà nước ở Nhật Bản (1929-1939). (C12)	1			
		- Biết được việc nước Mĩ thực hiện Chính sách mới và nội dung cơ bản Chính sách mới của Tổng thống Mĩ Ru-dơ-ven. (C13); (C14)	2			
		Thông hiểu: - Hiểu được những đặc điểm nổi bật của trật tự thế giới theo hệ thống Vécxai-Oasinh tôn (C23) - Hiểu được các chính sách của Chính phủ Hít-le thực hiện (1933-1939) và tác động đối với nước Đức. (C24)		2		
		- Hiểu được tác động của Chính sách mới đối với nước Mĩ (những năm 30 của thế kỉ XX) (C25) - Hiểu được nguyên nhân và hệ quả của cuộc khủng hoảng kinh tế 1929-1933 ở các nước tư bản. (C26)		2		
		Vận dụng: - So sánh được quá trình phát xít hóa ở Đức và Nhật Bản trong những năm 30 của thế kỉ XX.			1*	
		Vận dụng cao: - Khái quát và nêu được đặc điểm tình hình các nước tư bản (1918-1939). - Phân tích được đặc điểm quá trình phát xít hóa ở Đức và Nhật Bản trong những năm 30 của thế kỉ XX.				1**

6	Các nước châu Á giữa hai cuộc chiến tranh thế giới (1918-1939)	Bài 16: Các nước Đông Nam Á giữa hai cuộc chiến tranh thế giới (1918-1939)	Nhận biết: - Biết được một số điểm mới trong phong trào độc lập dân tộc ở các nước Đông Nam Á (1918-1939). (C15) - Biết được một số cuộc đấu tranh chống Pháp tiêu biểu của nhân dân Lào (1918-1939).	1			
			- Biết được một số cuộc đấu tranh chống Pháp tiêu biểu của nhân dân Campuchia (1918-1939). (C16)	1			
			Thông hiểu: - Hiểu được tình hình chung ở các nước Đông Nam Á (1918-1939). - Hiểu được chính sách thống trị của chủ nghĩa thực dân đế quốc là một trong những nguyên nhân dẫn đến sự bùng nổ của phong trào đấu tranh chống thực dân cuối thế kỉ XIX đầu thế kỉ XX ở khu vực Đông Nam Á. (C27)		1		
			- Hiểu được bước phát triển mới của phong trào độc lập dân tộc ở các nước Đông Nam Á (1918-1939) (C28)		1		
			Vận dụng: So sánh được phong trào độc lập dân tộc ở các nước Đông Nam Á với các khu vực khác của châu Á (1918-1939)			1*	
Tổng				16	12	1	1

Lưu ý:

- Với câu hỏi ở mức độ nhận biết và thông hiểu thì mỗi câu hỏi cần được ra ở một chỉ báo của mức độ kiến thức, kỹ năng cần kiểm tra, đánh giá tương ứng (1 gạch đầu dòng thuộc mức độ đó).
- (1*) Giáo viên có thể ra 1 câu hỏi cho đề kiểm tra ở cấp độ vận dụng ở đơn vị kiến thức: bài 1 hoặc bài 9 hoặc bài 10 hoặc bài 11 hoặc bài 12 hoặc bài 13 hoặc bài 14 hoặc bài 16.
- (1**) Giáo viên có thể ra 1 câu hỏi cho đề kiểm tra ở cấp độ vận dụng cao ở đơn vị kiến thức: bài 9 hoặc bài 10 hoặc bài 11 hoặc bài 12 hoặc bài 13 hoặc bài 14.

BẢNG ĐẶC TẢ KỸ THUẬT ĐỀ KIỂM TRA GIỮA KÌ II
MÔN: LỊCH SỬ LỚP 11 – THỜI GIAN LÀM BÀI: 45 PHÚT

T T	Nội dung kiến thức	Đơn vị kiến thức	Mức độ kiến thức, kỹ năng cần kiểm tra, đánh giá	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức			
				Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao
1	Chiến tranh thế giới thứ hai (1939-1945)	Bài 17: Chiến tranh thế giới thứ hai (1939-1945) Bài 18: Ôn tập lịch sử thế giới hiện đại (Phần từ năm 1917 đến năm 1945)	Nhận biết: - Biết được nguyên nhân bùng nổ cuộc Chiến tranh thế giới thứ hai.	1			
			- Biết được những sự kiện lớn trong diễn biến của Chiến tranh thế giới thứ hai ở mặt trận châu Âu và mặt trận châu Á-Thái Bình Dương.	3			
			- Biết được kết cục của chiến tranh.	1			
			- Biết được những sự kiện lớn của lịch sử thế giới hiện đại (1917-1945).	3			
			Thông hiểu: - Hiểu được nguyên nhân, con đường dẫn đến Chiến tranh thế giới thứ hai		1		
			- Hiểu được tác động những chiến thắng lớn của phe Đồng minh chống phát xít có tác động sâu sắc đến cục diện của chiến tranh.		1		
			- Hiểu được những nội dung chính của lịch sử thế giới hiện đại (1917-1945).		4		
			Vận dụng: - Phân tích được nguyên nhân và con đường dẫn đến Chiến tranh thế giới thứ hai. - Liên hệ được giữa lịch sử thế giới và lịch sử Việt Nam trong thời kì 1917-1945.			1*	

			Vận dụng cao: - Đánh giá được tác động, hệ quả của Chiến tranh thế giới thứ hai và liên hệ được với thực tiễn ngày nay. - Đánh giá được vai trò của Liên Xô trong việc đánh thắng chủ nghĩa phát xít. - Đánh giá được tác động của lịch sử thế giới đối với lịch sử Việt Nam giai đoạn 1917-1945				1**
2	Nhân dân Việt Nam kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược (1858-1884)	Bài 19-20: Nhân dân Việt Nam kháng chiến chống Pháp xâm lược (1858-1884)	Nhận biết: - Biết được các sự kiện chủ yếu về quá trình xâm lược của thực dân Pháp và cuộc kháng chiến của nhân dân Việt Nam (1858-1884).	8			
			Thông hiểu: - Hiểu được việc thực dân Pháp chọn Đà Nẵng làm nơi mở đầu cuộc chiến tranh xâm lược Việt Nam.		2		
			- Hiểu được việc Pháp phải chuyển quân từ Đà Nẵng vào Gia Định.		2		
			- Hiểu được vì sao Pháp đánh chiếm Bắc Kì lần một (1873) và lần hai (1882).		2		
			Vận dụng: - Phân tích được nguyên nhân Pháp xâm lược Việt Nam cuối thế kỉ XIX. - Phân tích được tác động của Hiệp ước 1883, 1884. - Phân tích được nguyên nhân thất bại của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp (1858-1884). - Liên hệ được những yếu tố kế thừa truyền thống yêu nước của nhân dân ta trong cuộc kháng chiến			1*	

			chống Pháp (1858-1884) ở các giai đoạn lịch sử tiếp sau.				
			Vận dụng cao: - Đánh giá được trách nhiệm của nhà Nguyễn trong việc để Việt Nam rơi vào tay thực dân Pháp (1858-1884). - Đánh giá được tác động của Hiệp ước 1883, 1884. - Rút ra được bài học kinh nghiệm từ thất bại của cuộc chống thực dân Pháp (1858-1884).				1**
Tổng				16	12	1	1

Lưu ý:

- Với câu hỏi ở mức độ nhận biết và thông hiểu thì mỗi câu hỏi cần được ra ở một chỉ báo của mức độ kiến thức, kỹ năng cần kiểm tra, đánh giá

tương ứng (1 gạch đầu dòng thuộc mức độ đó).

- (1*) Giáo viên có thể ra 1 câu hỏi cho đề kiểm tra ở cấp độ vận dụng ở đơn vị kiến thức: Bài 17 hoặc Bài 18 hoặc bài 19 hoặc bài 20.

- (1**) Giáo viên có thể ra 1 câu hỏi cho đề kiểm tra ở cấp độ vận dụng cao ở đơn vị kiến thức: Bài 17 hoặc Bài 18 hoặc bài 19 hoặc bài 20.

BẢNG ĐẶC TẢ KỸ THUẬT ĐỀ KIỂM TRA CUỐI KÌ II LỚP 11
MÔN: LỊCH SỬ – THỜI GIAN LÀM BÀI: 45 PHÚT

T T	Nội dung kiến thức	Đơn vị kiến thức	Mức độ kiến thức, kỹ năng cần kiểm tra, đánh giá	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức			
				Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao
1	Chiến tranh thế giới thứ hai (1939-1945)	Bài 17: Chiến tranh thế giới thứ hai (1939-1945)	Nhận biết: - Biết được nguyên nhân bùng nổ cuộc Chiến tranh thế giới thứ hai.	1			
			- Biết được những sự kiện lớn trong diễn biến của Chiến tranh thế giới thứ hai ở mặt trận châu Âu và mặt trận châu Á-Thái Bình Dương.	1			
			- Biết được kết cục của chiến tranh.	1			
			- Biết được những sự kiện lớn của lịch sử thế giới hiện đại (1917-1945).	1			
		Bài 18: Ôn tập lịch sử thế giới hiện đại (Phần từ năm 1917 đến năm 1945)	Thông hiểu: - Hiểu được tác động những chiến thắng lớn của phe Đồng minh chống phát xít có tác động sâu sắc đến cục diện của chiến tranh.		2		
			- Hiểu được những nội dung chính của lịch sử thế giới hiện đại (1917-1945).		2		
			Vận dụng: - Phân tích được nguyên nhân và con đường dẫn đến Chiến tranh thế giới thứ hai.			1*	
			Vận dụng cao: - Đánh giá được tác động, hệ quả của Chiến tranh thế giới thứ hai và liên hệ được với thực tiễn ngày nay.				1**

			- Đánh giá được vai trò của Liên Xô trong việc đánh thắng chủ nghĩa phát xít.				
2	Việt Nam từ năm 1858 đến cuối thế kỉ XIX	Bài 19-20: Nhân dân Việt Nam kháng chiến chống Pháp xâm lược (1858-1884) Bài 21: Phong trào yêu nước chống Pháp của nhân dân Việt Nam trong những năm cuối thế kỉ XIX	Nhận biết: - Biết được các sự kiện chủ yếu về quá trình xâm lược của thực dân Pháp và cuộc kháng chiến của nhân dân Việt Nam (1858-1884).	2			
			- Biết được những sự kiện tiêu biểu trong diễn biến của những cuộc khởi nghĩa: Ba Đình, Bãi Sậy, Hương Khê, phong trào nông dân Yên Thế.	2			
			Thông hiểu: - Hiểu được nguyên nhân sâu xa và trực tiếp dẫn đến sự bùng nổ của phong trào Cần vương.		2		
			- Hiểu được nguyên nhân thất bại, ý nghĩa lịch sử của phong trào Cần vương và phong trào nông dân Yên Thế.		2		
			Vận dụng - Xác định được nguyên nhân Pháp xâm lược Việt Nam cuối thế kỉ XIX. - Đánh giá được tác động của Hiệp ước 1883, 1884. - Phân tích được nguyên nhân bùng nổ phong trào Cần vương. - Phân tích được nguyên nhân thất bại của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp (1858-1884).			1*	
			Vận dụng cao - Đánh giá được trách nhiệm của nhà Nguyễn trong việc để Việt Nam rơi vào tay thực dân				1**

			Pháp cuối thế kỉ XIX.				
			- Rút ra được bài học kinh nghiệm từ thất bại của các phong trào đấu tranh chống thực dân Pháp cuối thế kỉ XIX.				
3	Việt Nam từ đầu thế kỉ XX đến hết Chiến tranh thế giới thứ nhất (1918)	Bài 22: Xã hội Việt Nam trong cuộc khai thác lần thứ nhất của thực dân Pháp	Nhận biết: - Biết được những biểu hiện về chuyển biến kinh tế và xã hội ở Việt Nam trong cuộc khai thác lần thứ nhất của thực dân Pháp (1897-1914).	3			
			- Biết được những sự kiện tiêu biểu trong phong trào yêu nước và cách mạng ở Việt Nam từ đầu thế kỉ XX đến Chiến tranh thế giới thứ nhất (1914).	3			
		Bài 23: Phong trào yêu nước và cách mạng ở Việt Nam từ đầu thế kỉ XX đến Chiến tranh thế giới thứ nhất (1914)	- Biết được tình hình kinh tế, xã hội Việt Nam dưới tác động của chính sách do Pháp thực hiện trong chiến tranh (1914-1918).	1			
			- Biết được những hoạt động cứu nước của Nguyễn Ái Quốc (1911 - 1918).	1			
		Bài 24: Việt Nam trong những năm Chiến tranh thế giới thứ nhất (1914-1918)	Thông hiểu: - Giải thích được nguyên nhân chuyển biến về kinh tế, xã hội Việt Nam dưới tác động của cuộc khai thác thuộc địa lần thứ nhất của thực dân Pháp. - Giải thích được mối quan hệ giữa chuyển biến về kinh tế với chuyển biến về xã hội.		1		
			- Giải thích được sự xuất hiện của phong trào yêu nước và cách mạng ở Việt Nam đầu thế kỉ XX.		1		

			- Giải thích được tính chất dân chủ tư sản của phong trào yêu nước đầu thế kỉ XX và nguyên nhân thất bại.		2		
			Vận dụng: - Tóm tắt được phong trào yêu nước tiêu biểu đầu thế kỉ XX: xu hướng bạo động của Phan Bội Châu; xu hướng cải cách của Phan Châu Trinh. - Phân tích được nguyên nhân thất bại của phong trào yêu nước và cách mạng đầu thế kỉ XX.			1*	
			Vận dụng cao: - Nêu được những đóng góp của Phan Bội Châu, Phan Châu Trinh và các sĩ phu tiến bộ đối với công cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc và sự phát triển kinh tế, văn hóa và xã hội đầu thế kỉ XX. - Nhận xét được những điểm tương đồng và khác biệt trong chủ trương và hành động cứu nước của Phan Bội Châu và Phan Châu Trinh, giữa xu hướng bạo động và xu hướng cải cách.				1**
Tổng				16	12	1	1

Lưu ý:

- Với câu hỏi ở mức độ nhận biết và thông hiểu thì mỗi câu hỏi cần được ra ở một chỉ báo của mức độ kiến thức, kỹ năng cần kiểm tra, đánh giá tương ứng (1 gạch đầu dòng thuộc mức độ đó).
- (1*) Giáo viên có thể ra 1 câu hỏi cho đề kiểm tra ở cấp độ vận dụng ở đơn vị kiến thức: bài 1 hoặc bài 9 hoặc bài 10 hoặc bài 11 hoặc bài 12 hoặc bài 13 hoặc bài 14 hoặc bài 16.
- (1**) Giáo viên có thể ra 1 câu hỏi cho đề kiểm tra ở cấp độ vận dụng cao ở đơn vị kiến thức: bài 9 hoặc bài 10 hoặc bài 11 hoặc bài 12 hoặc bài 13 hoặc bài 14.

3. Bảng đặc tả

BẢNG ĐẶC TẢ KỸ THUẬT ĐỀ KIỂM TRA GIỮA KÌ I
MÔN: LỊCH SỬ LỚP 12 – THỜI GIAN LÀM BÀI: 45 PHÚT

TT	Nội dung kiến thức	Đơn vị kiến thức	Mức độ kiến thức, kĩ năng cần kiểm tra, đánh giá	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức			
				Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao
1	Sự hình thành trật tự thế giới mới sau Chiến tranh thế giới thứ hai (1945 - 1949)	Bài 1. Sự hình thành trật tự thế giới mới sau Chiến tranh thế giới thứ hai (1945 - 1949)	Nhận biết: - Nêu được hoàn cảnh, thành phần tham dự, những quyết định quan trọng của Hội nghị Ianta (2/1945) và thỏa thuận của ba cường quốc. (C1) - Nêu được sự thành lập, mục đích và nguyên tắc hoạt động cơ bản của Liên hợp quốc. (C2)	2			
			Thông hiểu: - Hiểu được ý nghĩa những quyết định quan trọng của Hội nghị Ianta. (C17) - Hiểu được vai trò, thành phần và nguyên tắc hoạt động của Hội đồng Bảo an Liên hợp quốc. (C18)		2		
			Vận dụng - Phân tích được tác động từ những quyết định của Hội nghị Ianta và những thỏa thuận của ba cường quốc đối với tình hình thế giới từ sau năm 1945.			1*	

			Vận dụng cao: - Liên hệ, việc vận dụng được các nguyên tắc của Liên hợp quốc trong việc giải quyết vấn đề hòa bình, an ninh thế giới; bảo vệ chủ quyền biên giới, biển và hải đảo ở nước ta hiện nay. - Rút ra được những đóng góp của Liên hợp quốc từ sau khi thành lập đến nay.				1**
2	Liên Xô và các nước Đông Âu (1945 - 1991). Liên bang Nga (1991 - 2000)	Bài 2. Liên Xô và các nước Đông Âu (1945 - 1991). Liên bang Nga (1991 - 2000).	Nhận biết: - Nêu được những thành tựu chính trong công cuộc khôi phục kinh tế (1945 - 1950) và xây dựng CNXH ở Liên Xô (từ năm 1945 đến nửa đầu những năm 70 (thế kỉ XX). (C3) - Nêu được những nét chính về các mặt: kinh tế, chính trị, chính sách đối ngoại, vị trí của Liên bang Nga (1991 - 2000) trên trường quốc tế. (C4)	2			
			Thông hiểu: - Hiểu được nguyên nhân đạt được những thành tựu trong quá trình khôi phục kinh tế (1945 - 1950) và xây dựng chủ nghĩa xã hội của nhân dân Liên Xô (từ 1950 đến nửa đầu những năm 70).				
			Vận dụng: - Phân tích được nguyên nhân tan rã của chế độ xã hội chủ nghĩa ở Liên Xô và các nước Đông Âu.				1*
			Vận dụng cao: - Rút ra được ý nghĩa những thành tựu của nhân dân Liên Xô trong công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội (từ 1950 đến nửa				1**

			đầu những năm 70, thế kỉ XX). - Rút ra được bài học cho Việt Nam trong công cuộc xây dựng và phát triển đất nước hiện nay.				
3	Các nước Á, Phi và Mĩ Latinh (1945 - 2000)	Bài 3. Các nước Đông Bắc Á.	Nhận biết: - Biết được những nét chung về các nước khu vực Đông Bắc Á sau Chiến tranh thế giới thứ hai. (C5); - Trình bày được sự thành lập nước Cộng hoà Nhân dân Trung Hoa; nội dung đường lối cải cách và thành tựu chính từ sau năm 1978. (C6)	2			
			Thông hiểu: - Hiểu (giải thích) được ý nghĩa sự ra đời của nước Cộng hòa nhân dân Trung Hoa.				
			Vận dụng: - Phân tích được những biến đổi về chính trị, kinh tế - xã hội của khu vực Đông Bắc Á sau Chiến tranh thế giới thứ hai.			1*	
			Vận dụng cao: - Đánh giá được ý nghĩa những thành tựu trong công cuộc cải cách, mở cửa ở Trung Quốc. - Rút ra được bài học cho Việt Nam trong công cuộc xây dựng đất nước.				1**

		Bài 4. Các nước Đông Nam Á và Ấn Độ.	Nhận biết: - Trình bày được quá trình đấu tranh giành độc lập của các nước Đông Nam Á từ sau Chiến tranh thế giới thứ hai; các giai đoạn chính của cách mạng Lào (1945 - 1975) và Cam-pu-chia (1945 - 1993); - Nêu được những thành tựu và khó khăn khi thực hiện chiến lược phát triển kinh tế hướng nội, hướng ngoại của nhóm các nước sáng lập ASEAN. (C7) - Trình bày được sự thành lập, mục tiêu và quá trình phát triển, số lượng các nước thành viên của tổ chức ASEAN. - Nêu được những sự kiện chính về quá trình đấu tranh giành độc lập và thành tựu trong công cuộc xây dựng đất nước ở Ấn Độ từ sau năm 1945. (C8)	2			
			Thông hiểu: - Lập (được) bảng thống kê sự kiện các nước giành độc lập. - Hiểu được ý nghĩa những mốc chính trong quá trình phát triển của tổ chức ASEAN. (C19)		1		
			Vận dụng: - Khái quát được những biến đổi của khu vực Đông Nam Á sau Chiến tranh thế giới thứ hai. - Phân tích được đặc điểm các giai đoạn phát triển của tổ chức ASEAN.			1*	

			Vận dụng cao: - Rút ra được bài học từ những thành tựu phát triển kinh tế của các nước Đông Nam Á cho Việt Nam trong công cuộc xây dựng đất nước hiện nay. - Liên hệ được về mối quan hệ của Việt Nam với các nước thành viên ASEAN.				1**
		Bài 5. Các nước châu Phi và Mỹ Latinh.	Nhận biết: - Trình bày được sự kiện chính trong cuộc đấu tranh giành độc lập của các nước châu Phi và Mỹ La-tinh từ sau Chiến tranh thế giới thứ hai. (C9)	1			
			Thông hiểu: - Hiểu được ý nghĩa những thắng lợi lớn trong phong trào giải phóng dân tộc ở các nước châu Phi và Mỹ Latinh từ sau Chiến tranh thế giới thứ hai. (C20); (C21)		2		
			Vận dụng cao: - Rút ra được ý nghĩa lịch sử của phong trào giải phóng dân tộc trên thế giới. - So sánh được đặc điểm của phong trào giải phóng dân tộc ở Á, Phi, Mỹ Latinh.				1**
4	Mỹ, Tây Âu, Nhật Bản (1945 - 2000)	Bài 6. Nước Mỹ	Nhận biết: - Nêu được tình kinh tế, khoa học – kỹ thuật và chính sách đối ngoại của Mỹ những năm 1945 - 1973; 1973 - 1991; 1991 → nay. (C10)	1			

			Thông hiểu: - Hiểu được chính sách của Mỹ và những nguyên nhân dẫn đến sự phát triển mạnh mẽ của kinh tế Mỹ. (C22); (C23)		2		
	Bài 7. Tây Âu	Nhận biết: - Nêu được các vấn đề chủ yếu về sự phát triển kinh tế, khoa học – kĩ thuật và chính sách đối ngoại Tây Âu qua các giai đoạn 1945 - 1950, 1950 - 1973, 1973 - 1991, 1991 → nay.(C11) - Biết được quá trình hình thành và phát triển của Liên minh châu Âu (EU). (C12)		2			
		Thông hiểu: - Hiểu được nguyên nhân thúc đẩy sự phát triển nhanh chóng của kinh tế Tây Âu. (C24)			1		
	Bài 8. Nhật Bản.	Nhận biết: - Nêu được các vấn đề chủ yếu: Sự phát triển kinh tế, khoa học – kĩ thuật; Chính sách đối ngoại của Nhật Bản qua các thời kì 1945 – 1952, 1952 – 1973, 1973 – 1991, 1991 – 2000. (C13)		1			
		Thông hiểu: - Hiểu được nguyên nhân dẫn đến sự phát triển “thần kì” của Nhật Bản. (C25)			1		
		Vận dụng: - Khái quát được đặc điểm về kinh tế, chính sách đối ngoại của Mỹ, Tây Âu, Nhật bản trong từng giai đoạn phát triển. - So sánh nguyên nhân phát triển kinh tế, khoa học – kĩ thuật của Mỹ, Tây Âu, Nhật Bản.				1*	

			Vận dụng cao: - Nhận xét được điểm tương đồng về vai trò, vị trí kinh tế của Mỹ, Tây Âu, Nhật Bản. - Rút ra được điểm tương đồng và đánh giá sự thay đổi trong chính sách đối ngoại của Nhật Bản và Tây Âu qua các thời kì.				1**
5	Quan hệ quốc tế (1945-2000)	hệ thống - Bài 9. Quan hệ quốc tế trong và sau thời kì Chiến tranh lạnh.	Nhận biết: - Trình bày được mâu thuẫn Đông – Tây và sự khởi đầu của “Chiến tranh lạnh”: nội dung cơ bản của Học thuyết Tru-man; sự hình thành khối quân sự NATO và tổ chức Hiệp ước Vác-sa-va. (C14); (C15) - Trình bày được những sự kiện biểu hiện xu thế hoà hoãn tiến tới chấm dứt “Chiến tranh lạnh”; - Trình bày được sự kiện Mỹ và Liên Xô cùng tuyên bố chấm dứt Chiến tranh lạnh.	2			
			Thông hiểu: - Giải thích được hậu quả của việc thành lập Tổ chức Hiệp ước Bắc Đại Tây Dương (NATO) và Tổ chức Hiệp ước Vác-sa-va. - Hiểu được nguyên nhân Mỹ và Liên Xô chuyển sang thế đối đầu sau Chiến tranh thế giới thứ hai và nguyên nhân hai cường quốc tuyên bố chấm dứt Chiến tranh lạnh. (C26); (C27)		2		
			Vận dụng: - Phân tích được đặc điểm của quan hệ quốc tế từ năm 1945 đến năm 1991: là thời kì căng thẳng giữa hai phe, hai khối, đứng đầu là Mỹ và Liên Xô. - Phân tích đặc điểm trong quan hệ quốc tế từ năm 1991 đến nay là: hoà hoãn, đa cực, lấy phát triển kinh tế làm trọng điểm, xung đột khu vực.			1*	

6	Cách mạng khoa học – công nghệ và xu thế toàn cầu hóa nửa sau thế kỉ XX.	Bài 10. Cách mạng khoa học – công nghệ và xu thế toàn cầu hóa nửa sau thế kỉ XX	Nhận biết: - Nêu nguồn gốc, đặc điểm của cách mạng khoa học – công nghệ. (C16) - Nêu được bản chất và những biểu hiện của xu thế toàn cầu hóa.	1			
			Thông hiểu: - Hiểu được đặc điểm của nổi bật của cuộc cách mạng khoa học – công nghệ. (C28)		1		
			Vận dụng: - Phân tích được tác động tích cực và những vấn đề nảy sinh do cách mạng khoa học – kĩ thuật. - Phân tích được mặt tích cực và tiêu cực của xu thế toàn cầu hóa.			1*	
			Vận dụng cao: Liên hệ, vận dụng được toàn cầu hóa vừa là thời cơ vừa là thách thức đối với các dân tộc.				1**
Tỉ lệ % từng mức độ nhận thức			40	30	20	10	
Tỉ lệ chung			70		30		

Lưu ý:

- Với câu hỏi ở mức độ nhận biết và thông hiểu thì mỗi câu hỏi cần được ra ở một chỉ báo của mức độ kiến thức, kỹ năng cần kiểm tra, đánh giá tương ứng (1 gạch đầu dòng thuộc mức độ đó).
- (1*) Giáo viên có thể ra 1 câu hỏi cho đề kiểm tra ở cấp độ vận dụng ở đơn vị kiến thức: **Bài 1 hoặc Bài 2 hoặc Bài 3 hoặc Bài 4 hoặc Bài 6, 7, 8 hoặc Bài 9 hoặc Bài 10.**
- (1**) Giáo viên có thể ra 1 câu hỏi cho đề kiểm tra ở cấp độ vận dụng ở đơn vị kiến thức: **Bài 1 hoặc Bài 2 hoặc Bài 3 hoặc Bài 4 hoặc Bài 6, 7, 8 hoặc Bài 10.**

BẢNG ĐẶC TẢ KỸ THUẬT ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ I
MÔN: LỊCH SỬ LỚP 12 – THỜI GIAN LÀM BÀI: 45 PHÚT

TT	Nội dung kiến thức	Đơn vị kiến thức	Mức độ kiến thức, kỹ năng cần kiểm tra, đánh giá	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức			
				Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao
1	Sự hình thành trật tự thế giới mới sau Chiến tranh thế giới thứ hai (1945 - 1949)	Bài 1. Sự hình thành trật tự thế giới mới sau Chiến tranh thế giới thứ hai (1945 - 1949)	Nhận biết: - Nêu được những quyết định quan trọng của Hội nghị Ianta (2/1945) và thỏa thuận của ba cường quốc. (C1) - Nêu được sự thành lập, mục đích và nguyên tắc hoạt động cơ bản của Liên hợp quốc. Thông hiểu: - Hiểu được ý nghĩa những quyết định quan trọng của Hội nghị Ianta. - Hiểu được vai trò, thành phần và nguyên tắc hoạt động của Hội đồng Bảo an Liên hợp quốc. Vận dụng - Phân tích được tác động từ những quyết định của Hội nghị Ianta và những thỏa thuận của ba cường quốc đối với tình hình thế giới từ sau năm 1945. Vận dụng cao: - Liên hệ, việc vận dụng (được) các nguyên tắc của Liên hợp quốc trong việc giải quyết vấn đề hòa bình, an ninh thế giới; bảo vệ chủ quyền biên giới,	1	1	0	0

TT	Nội dung kiến thức	Đơn vị kiến thức	Mức độ kiến thức, kĩ năng cần kiểm tra, đánh giá	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức			
				Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao
			biển và hải đảo của nước ta hiện nay. - Rút ra (được) những đóng góp của Liên hợp quốc từ sau khi thành lập đến nay.				
2	Liên Xô và các nước Đông Âu (1945 - 1991). Liên bang Nga (1991 - 2000)	Bài 2. Liên Xô và các nước Đông Âu (1945 - 1991). Liên bang Nga (1991 - 2000)	Nhận biết: - Nêu (được) những thành tựu chính trong công cuộc khôi phục kinh tế và xây dựng CNXH ở Liên Xô (từ năm 1945 đến nửa đầu những năm 70 (XX). (C2) - Nêu (được) những nét chính về các mặt: kinh tế, chính trị, chính sách đối ngoại, vị trí của Liên bang Nga (1991 - 2000) trên trường quốc tế. Thông hiểu: - Hiểu được nguyên nhân đạt được những thành tựu trong quá trình khôi phục kinh tế (1945 - 1950) và xây dựng chủ nghĩa xã hội của nhân dân Liên Xô (từ 1950 đến nửa đầu những năm 70). Vận dụng: - Phân tích (được) nguyên nhân tan rã của chế độ xã hội chủ nghĩa ở Liên Xô và các nước Đông Âu. Vận dụng cao: - Rút ra được ý nghĩa những thành tựu của nhân dân Liên Xô trong công	1		0	0

TT	Nội dung kiến thức	Đơn vị kiến thức	Mức độ kiến thức, kĩ năng cần kiểm tra, đánh giá	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức			
				Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao
			cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội (từ 1950 đến nửa đầu những năm 70). - Rút ra được bài học cho Việt Nam trong công cuộc xây dựng và phát triển đất nước.				
3	Các nước Á, Phi và Mĩ Latinh (1945 - 2000)	Bài 3. Các nước Đông Bắc Á.	Nhận biết: - Biết được những nét chung về các nước khu vực Đông Bắc sau Chiến tranh thế giới thứ hai. - Trình bày được sự thành lập nước Cộng hoà Nhân dân Trung Hoa; nội dung đường lối cải cách và thành tựu chính từ sau năm 1978. Thông hiểu: - Hiểu được ý nghĩa sự ra đời của nước Cộng hòa nhân dân (C17) Trung Hoa. Vận dụng: - Phân tích được những biến đổi của khu vực Đông Bắc Á sau Chiến tranh thế giới thứ hai. Vận dụng cao: - Đánh giá được ý nghĩa những thành tựu trong công cuộc cải cách, mở cửa ở Trung Quốc.	1		0	0

TT	Nội dung kiến thức	Đơn vị kiến thức	Mức độ kiến thức, kỹ năng cần kiểm tra, đánh giá	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức			
				Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao
			- Rút ra được bài học cho Việt Nam trong công cuộc xây dựng đất nước.				
		Bài 4. Các nước Đông Nam Á và Ấn Độ.	Nhận biết: - Trình bày được quá trình đấu tranh giành độc lập của các nước Đông Nam Á từ sau Chiến tranh thế giới thứ hai; các giai đoạn chính của cách mạng Lào (1945 - 1975) và Cam-pu-chia (1945 - 1993); - Nêu được những thành tựu và khó khăn khi thực hiện chiến lược phát triển kinh tế hướng nội, hướng ngoại của nhóm các nước sáng lập ASEAN. - Trình bày được sự thành lập, mục tiêu và quá trình phát triển, số lượng các nước thành viên của tổ chức ASEAN. (C3) - Nêu được những sự kiện chính về quá trình đấu tranh giành độc lập và thành tựu trong công cuộc xây dựng đất nước ở Ấn Độ từ sau năm 1945. Thông hiểu: - Lập (được) bảng thống kê sự kiện các nước giành độc lập. - Hiểu (giải thích) được ý nghĩa những mốc chính trong quá trình phát triển của tổ chức ASEAN. Vận dụng:				

TT	Nội dung kiến thức	Đơn vị kiến thức	Mức độ kiến thức, kỹ năng cần kiểm tra, đánh giá	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức			
				Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao
			- Khái quát được những biến đổi của khu vực Đông Nam Á sau Chiến tranh thế giới thứ hai. - Phân tích được đặc điểm các giai đoạn phát triển của tổ chức ASEAN. Vận dụng cao: - Rút ra được bài học từ những thành tựu phát triển kinh tế của các nước Đông Nam Á cho Việt Nam trong công cuộc xây dựng đất nước hiện nay. - Liên hệ được mối quan hệ của Việt Nam với các nước thành viên ASEAN.				
		Bài 5. Các nước châu Phi và Mỹ Latinh.	Nhận biết: - Trình bày được sự kiện chính trong cuộc đấu tranh giành độc lập của các nước châu Phi và Mỹ La-tinh. Thông hiểu: - Nêu được ý nghĩa những thắng lợi lớn trong phong trào giải phóng dân tộc ở các nước châu Phi và Mỹ Latinh từ sau Chiến tranh thế giới thứ hai. Vận dụng cao: - Rút ra được ý nghĩa lịch sử của phong trào giải phóng dân tộc trên thế giới. - So sánh được đặc điểm của phong trào giải phóng dân tộc ở Á, Phi, Mỹ Latinh.				

TT	Nội dung kiến thức	Đơn vị kiến thức	Mức độ kiến thức, kỹ năng cần kiểm tra, đánh giá	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức			
				Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao
4	Mĩ, Tây Âu, Nhật Bản (1945 - 2000)	Bài 6. Nước Mĩ	Nhận biết: - Nêu được tình hình kinh tế, khoa học – kỹ thuật và chính sách đối ngoại của Mĩ những năm 1945 - 1973; 1973 - 1991; 1991 – nay (c4 – không đúng bản đặc tả). Thông hiểu: - Hiểu (giải thích) được những nguyên nhân dẫn đến sự phát triển mạnh mẽ của kinh tế Mĩ. (C4)	1	1	0	0
		Bài 7. Tây Âu	Nhận biết: - Nêu được các vấn đề chủ yếu về sự phát triển kinh tế, khoa học – kỹ thuật và chính sách đối ngoại Tây Âu qua các giai đoạn 1945 - 1950, 1950 - 1973, 1973 - 1991, 1991 - nay. - Biết (nêu/trình bày) được quá trình hình thành và phát triển của Liên minh châu Âu (EU). Thông hiểu: - Hiểu được nguyên nhân thúc đẩy sự phát triển nhanh chóng của kinh tế Tây Âu.				
		Bài 8. Nhật Bản.	Nhận biết: - Nêu được các vấn đề chủ yếu: Sự phát triển kinh tế, khoa học – kỹ thuật; Chính sách đối ngoại của Nhật Bản qua các thời kỳ 1945 – 1952, 1952 – 1973, 1973 – 1991, 1991 – 2000.				

TT	Nội dung kiến thức	Đơn vị kiến thức	Mức độ kiến thức, kĩ năng cần kiểm tra, đánh giá	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức			
				Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao
			Thông hiểu: - Hiểu được nguyên nhân dẫn đến sự phát triển “thần kì” của Nhật Bản. Vận dụng: - Khái quát được đặc điểm về kinh tế, chính sách đối ngoại của Mĩ, Tây Âu, Nhật bản trong từng giai đoạn phát triển. - So sánh (được) nguyên nhân phát triển kinh tế, khoa học – kĩ thuật của Mĩ, Tây Âu, Nhật Bản. Vận dụng cao: - Phân tích được điểm tương đồng về vai trò, vị trí kinh tế của Mĩ, Tây Âu, Nhật Bản. - Rút ra được điểm tương đồng và đánh giá sự thay đổi trong chính sách đối ngoại của Nhật Bản và Tây Âu qua các thời kì.				
5	Quan hệ quốc tế (1945 - 2000)	Bài 9. Quan hệ quốc tế trong và sau thời kì Chiến tranh	Nhận biết: - Trình bày được mâu thuẫn Đông – Tây và sự khởi đầu của “chiến tranh lạnh”: Nội dung cơ bản của Học thuyết Tru-man; Sự hình thành khối quân sự NATO và tổ chức Hiệp ước Vác-sa-va. (C5) - Trình bày được những sự kiện biểu hiện xu thế hoà hoãn tiến tới chấm dứt	1			

TT	Nội dung kiến thức	Đơn vị kiến thức	Mức độ kiến thức, kỹ năng cần kiểm tra, đánh giá	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức			
				Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao
		lạnh.	“chiến tranh lạnh”; - Trình bày được sự kiện Mĩ và Liên Xô cùng tuyên bố chấm dứt Chiến tranh lạnh. Thông hiểu: - Giải thích được hậu quả của việc thành lập Tổ chức Hiệp ước Bắc Đại Tây Dương (NATO) và Tổ chức Hiệp ước Vácava. - Hiểu (giải thích) được nguyên nhân Mĩ và Liên Xô tuyên bố chấm dứt Chiến tranh lạnh. (C18) Vận dụng: - Phân tích được đặc điểm của quan hệ quốc tế từ năm 1945 đến năm 1991: là thời kì căng thẳng giữa hai phe, hai khối, đứng đầu là Mĩ và Liên Xô. - Phân tích được đặc điểm trong quan hệ quốc tế từ năm 1991 đến nay là: hoà hoãn, đa cực, lấy phát triển kinh tế làm trọng điểm, xung đột khu vực.				
6	Cách mạng khoa học – công nghệ và	Bài 10. Cách mạng khoa học – công nghệ và xu thế toàn cầu	Nhận biết: - Nêu (được) nguồn gốc, đặc điểm của cách mạng khoa học – công nghệ. (C6) - Nêu được bản chất và những biểu hiện của xu thế toàn cầu hóa.	1			

TT	Nội dung kiến thức	Đơn vị kiến thức	Mức độ kiến thức, kĩ năng cần kiểm tra, đánh giá	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức			
				Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao
	xu thế toàn cầu hóa	hóa nửa sau thế kỉ XX	Thông hiểu: - Hiểu được đặc điểm của nổi bật của cuộc cách mạng khoa học – công nghệ. Vận dụng: - Phân tích được tác động tích cực và những vấn đề nảy sinh do (từ cuộc) cách mạng khoa học – kĩ thuật. - Phân tích được mặt tích cực và tiêu cực của xu thế toàn cầu hóa. Vận dụng cao: Liên hệ, vận dụng được toàn cầu hóa vừa là thời cơ vừa là thách thức đối với các nước đang phát triển.				
7	Việt Nam từ năm 1919 đến năm 1930	Bài 12: Phong trào dân tộc dân chủ ở Việt Nam từ năm 1919 đến năm 1925	Nhận biết: - Trình bày được chính sách tăng cường khai thác Việt Nam của thực dân Pháp trong chương trình khai thác thuộc địa lần thứ hai về các ngành: nông nghiệp, công nghiệp, thương nghiệp, tài chính, thuế... ; - Trình bày được các hoạt động tiêu biểu của phong trào yêu nước trong thời kì này: hoạt động của tư sản và tiểu tư sản, phong trào đấu tranh của công nhân. (C8) - Trình bày được hoạt động của lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc trong giai đoạn	1	1	1*	1**

TT	Nội dung kiến thức	Đơn vị kiến thức	Mức độ kiến thức, kỹ năng cần kiểm tra, đánh giá	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức			
				Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao
			1919 – 1925 Thông hiểu: - Hiểu được những chuyển biến mới về kinh tế, xã hội Việt Nam dưới tác động của cuộc khai thác thuộc địa lần thứ hai của thực dân Pháp. Từ đó rút ra mâu thuẫn chủ yếu trong xã hội Việt Nam lúc này là mâu thuẫn giữa dân tộc Việt Nam với đế quốc Pháp và bọn phản động tay sai. (C19) Vận dụng: - Phân tích được khả năng cách mạng của các giai cấp, tầng lớp trong xã hội Việt Nam sau Chiến tranh thế giới thứ nhất. Vận dụng cao: - Nhận xét được tác động các hoạt động của Nguyễn Ái Quốc đối với cách mạng Việt Nam. - Nhận xét được tính chất và đặc điểm của các phong trào yêu nước của tư sản và tiểu tư sản trong thời kì này.				
		Bài 13: Phong trào dân tộc dân chủ ở Việt Nam	Nhận biết: - Trình bày được sự ra đời, chủ trương, hoạt động của các tổ chức cách mạng: Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên, Tân Việt cách mạng đảng, Việt Nam Quốc dân đảng. (C7)	1	2	1*	1**

TT	Nội dung kiến thức	Đơn vị kiến thức	Mức độ kiến thức, kĩ năng cần kiểm tra, đánh giá	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức			
				Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao
		từ năm 1925 đến năm 1930	- Trình bày được hoàn cảnh ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam, hội nghị thành lập Đảng. - Trình bày được nội dung Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng. Thông hiểu: - Giải thích được nguyên nhân dẫn đến sự phân hóa của Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên, sự xuất hiện ba tổ chức cộng sản năm 1929: Đông Dương cộng sản đảng, An Nam cộng sản đảng, Đông Dương cộng sản liên đoàn. Từ đó thấy được sự lớn mạnh của xu hướng cứu nước theo con đường cách mạng vô sản. (20) - Phân tích được nguyên nhân thất bại của khởi nghĩa Yên Bái và Việt Nam Quốc dân đảng. (C21) Vận dụng: - Phân tích (được) nội dung của Cương lĩnh chính trị đầu tiên; ý nghĩa lịch sử của việc thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam: bước ngoặt vĩ đại trong lịch sử cách mạng Việt Nam. - Phân tích được tính đúng đắn và sáng tạo của Cương lĩnh chính trị đầu tiên. Vận dụng cao: - Đánh giá được vai trò của lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc trong việc thành lập				

TT	Nội dung kiến thức	Đơn vị kiến thức	Mức độ kiến thức, kỹ năng cần kiểm tra, đánh giá	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức			
				Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao
			Đảng: vận động thành lập, chủ trì việc thống nhất các tổ chức cộng sản, soạn thảo Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng.				
8	Việt Nam từ năm 1930 đến năm 1945	Bài 14: Phong trào cách mạng 1930 - 1935	Nhận biết: - Trình bày được những nét chính về ảnh hưởng của cuộc khủng hoảng kinh tế thế giới (1929 - 1933) nói chung và sự khủng hoảng của Pháp nói riêng tới tình hình kinh tế Việt Nam và sự tác động của tình hình kinh tế tới đời sống xã hội Việt Nam: đời sống của mọi tầng lớp nhân dân đều sa sút. - Trình bày được diễn biến chính của phong trào cách mạng 1930 - 1931 mà đỉnh cao là Xô viết Nghệ - Tĩnh (làm chủ chính quyền, các chính sách tiến bộ về chính trị, kinh tế, văn hoá). (C9) - Trình bày được ý nghĩa lịch sử và bài học kinh nghiệm của phong trào cách mạng 1930 – 1931. - Trình bày được diễn biến chính của Hội nghị lần thứ nhất Ban Chấp hành Trung ương lâm thời Đảng Cộng sản Việt Nam (10 - 1930); những điểm chính của Luận cương (10 - 1930): chiến lược, sách lược, động lực và tổ chức lãnh đạo cách mạng, hình thức và phương pháp đấu tranh. Thông hiểu: - Hiểu được tính đúng đắn của Luận cương và một số điểm hạn chế: về mâu thuẫn chính trong xã hội, động lực cách mạng.	1	1	1*	1**

TT	Nội dung kiến thức	Đơn vị kiến thức	Mức độ kiến thức, kĩ năng cần kiểm tra, đánh giá	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức			
				Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao
			- Lí giải được vì sao Xô viết Nghệ – Tĩnh là đỉnh cao của phong trào cách mạng 1930 - 1931 và nhận xét được những điểm mới của chính quyền Xô viết. (C22) Vận dụng: - Phân tích được điểm mới của phong trào cách mạng 1930 – 1931 so với phong trào dân tộc dân chủ giai đoạn 1919 – 1930. - So sánh được điểm giống và khác nhau giữa Luận cương chính trị và Cương lĩnh chính trị đầu tiên. Vận dụng cao: - Nhận xét được tác động, ảnh hưởng của tình hình thế giới đến cách mạng Việt Nam.				
		Bài 15: Phong trào dân chủ 1936 - 1939	Nhận biết: - Nêu được bối cảnh Việt Nam trong những năm 1936 - 1939: chủ trương chống phát xít của Quốc tế Cộng sản, sự ra đời của Mặt trận nhân dân Pháp và các hoạt động tác động đến Việt Nam; tình hình chính trị, kinh tế, xã hội Việt Nam. - Nêu được những điểm chính trong chủ trương của Đảng và những phong trào tiêu biểu: Đông Dương đại hội, đòi tự do, dân sinh, dân chủ. Một số	1	1	1*	1**

TT	Nội dung kiến thức	Đơn vị kiến thức	Mức độ kiến thức, kĩ năng cần kiểm tra, đánh giá	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức			
				Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao
			kết quả và kinh nghiệm đấu tranh công khai, hợp pháp. (C10) - Trình bày được ý nghĩa lịch sử và bài học kinh nghiệm của phong trào dân chủ 1936 - 1939. Thông hiểu: - Hiểu được nguyên nhân dẫn đến sự thay đổi chủ trương của Đảng so với giai đoạn trước. (C23) Vận dụng: - Phân tích được ý nghĩa của phong trào dân chủ 1936 – 1939. - So sánh được điểm giống và khác nhau giữa phong trào dân chủ 1936 – 1939 với phong trào cách mạng 1930 – 1931. Vận dụng cao: - Nhận xét được mối quan hệ giữa cách mạng thế giới và cách mạng Việt Nam.				
		Bài 16: Phong trào giải phóng dân tộc 1939 –	Nhận biết: - Trình bày được một số điểm nổi bật trong bối cảnh Việt Nam những năm Chiến tranh thế giới thứ hai (1939 - 1945) về chính trị, kinh tế - xã hội. - Trình bày được nội dung chuyển hướng đấu tranh được đề ra trong Hội	1	2	1*	1**

TT	Nội dung kiến thức	Đơn vị kiến thức	Mức độ kiến thức, kĩ năng cần kiểm tra, đánh giá	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức			
				Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao
		1945 và Tổng khởi nghĩa tháng Tám năm 1945. Nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa ra đời	ng nghị tháng 11/1939 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng. - Trình bày được những sự kiện chủ yếu của công cuộc chuẩn bị tiến tới khởi nghĩa vũ trang giành chính quyền: nội dung chủ yếu của Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương Đảng tháng 5/1941; công cuộc chuẩn bị tiến tới khởi nghĩa giành chính quyền: xây dựng lực lượng chính trị, lực lượng vũ trang và căn cứ địa cách mạng. - Trình bày được những nét chính của giai đoạn khởi nghĩa từng phần: Nhật đảo chính Pháp (9/3/1945); chỉ thị của Đảng: “Nhật – Pháp bắn nhau và hành động của chúng ta”, phong trào phá kho thóc của Nhật, thành lập Ủy ban dân tộc giải phóng Việt Nam, thành lập Việt Nam giải phóng quân, lập Khu giải phóng Việt Bắc... - Trình bày (được) khái quát cuộc tổng khởi nghĩa của nhân dân trong cả nước, trình bày diễn biến chính cuộc khởi nghĩa ở Hà Nội, Huế, Sài Gòn; nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa được thành lập (2 - 9 - 1945). (C11) Thông hiểu - Hiểu được hầu hết các giai cấp và tầng lớp đều bị ảnh hưởng bởi những chính sách của Pháp – Nhật trong những năm Chiến tranh thế giới thứ hai (1939 – 1945). (C24) - Hiểu được nguyên nhân dẫn đến sự thay đổi chủ trương của Đảng trong Hội nghị Ban chấp hành Trung ương tháng 11/1939, tháng 5/1941.				

TT	Nội dung kiến thức	Đơn vị kiến thức	Mức độ kiến thức, kĩ năng cần kiểm tra, đánh giá	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức			
				Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao
			(C25) - Giải thích được nguyên nhân Đảng phát động Cao trào kháng Nhật cứu nước. - Hiểu được vì sao thời cơ Tổng khởi nghĩa tháng Tám năm 1945 được gọi là thời cơ “chín muồi” và “ngàn năm có một”. Vận dụng: - So sánh được chủ trương đề ra trong Hội nghị tháng 11/1939 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng với giai đoạn trước. - Nhận xét được ý nghĩa của Hội nghị Trung ương Đảng tháng 5/1941. - Phân tích được sự sáng suốt của Đảng trong việc chớp thời cơ phát động tổng khởi nghĩa. - Phân tích được ý nghĩa lịch sử và nguyên nhân thắng lợi của Cách mạng tháng Tám năm 1945. Vận dụng cao: - Từ nghệ thuật “chớp thời cơ” Tổng khởi nghĩa tháng Tám 1945, rút ra được bài học cho sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc hiện nay.				
9	Việt Nam từ	Bài 17: Nước Việt	Nhận biết:	1	1	1*	1**

TT	Nội dung kiến thức	Đơn vị kiến thức	Mức độ kiến thức, kĩ năng cần kiểm tra, đánh giá	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức			
				Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao
	năm 1945 đến năm 1954	Nam Dân chủ Cộng hòa từ sau ngày 2/9/1945 đến trước ngày 19/12/1946	- Trình bày được những biện pháp giải quyết khó khăn: bước đầu xây dựng chính quyền cách mạng, giải quyết nạn đói, nạn dốt và khó khăn về tài chính. (C12) - Trình bày được những diễn biến chính của công cuộc chống ngoại xâm, nội phản, bảo vệ chính quyền cách mạng: chống thực dân Pháp trở lại xâm lược ở miền Nam; đấu tranh với Trung Hoa Dân quốc và bọn phản cách mạng ở miền Bắc; hoà hoãn với Pháp nhằm đẩy quân Trung Hoa Dân quốc ra khỏi nước ta. Thông hiểu: - Hiểu được tình hình nước ta trong những năm đầu sau Cách mạng tháng Tám năm 1945, chính quyền dân chủ nhân dân ở trong tình thế “ngàn cân treo sợi tóc”. (C26) - Hiểu (giải thích) được ý nghĩa của những kết quả đạt được trong việc bước đầu xây dựng chính quyền cách mạng, giải quyết nạn đói, nạn dốt và khó khăn về tài chính. - Lí giải được nguyên nhân Đảng, Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa thực hiện chủ trương “mềm dẻo về sách lược, cứng rắn về nguyên tắc” trong việc giải quyết mối quan hệ với Pháp và Trung Hoa Dân quốc. Vận dụng:				

TT	Nội dung kiến thức	Đơn vị kiến thức	Mức độ kiến thức, kĩ năng cần kiểm tra, đánh giá	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức			
				Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao
			- Phân tích được chủ trương của Đảng, Chính phủ trong công cuộc chống ngoại xâm, nội phản. - Phân tích được ý nghĩa những biện pháp chống ngoại xâm, nội phản của Đảng, Chính phủ. Vận dụng cao: - Rút ra được bài học cho công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc hiện nay.				
		Bài 18: Những năm đầu của cuộc kháng chiến toàn quốc chống thực dân Pháp (1946 – 1950)	Nhận biết: - Trình bày được cuộc chiến đấu anh dũng của quân dân Thủ đô Hà Nội và các đô thị từ vĩ tuyến 16 trở ra Bắc. - Trình bày (được) diễn biến, kết quả của chiến thắng Việt Bắc thu - đông 1947. - Trình bày được hoàn cảnh và chủ trương của ta khi chủ động mở chiến dịch Biên giới thu – đông 1950; diễn biến, kết quả của chiến dịch này. (C13) Thông hiểu: - Hiểu (giải thích) được hoàn cảnh dẫn đến việc Chủ tịch Hồ Chí Minh ra Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến. (C27) Vận dụng:	1	1	1*	

TT	Nội dung kiến thức	Đơn vị kiến thức	Mức độ kiến thức, kỹ năng cần kiểm tra, đánh giá	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức			
				Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao
			- Phân tích được đường lối kháng chiến chống Pháp của Đảng. - Phân tích được ý nghĩa của chiến thắng Việt Bắc thu - đông 1947. - Phân tích được ý nghĩa của chiến dịch Biên giới thu - đông 1950.				
		Bài 19: Bước phát triển của cuộc kháng chiến toàn quốc chống thực dân Pháp (1951 – 1953)	Nhận biết: - Trình bày được những sự kiện thể hiện Mĩ can thiệp sâu vào cuộc chiến tranh xâm lược Đông Dương của Pháp. - Trình bày được nội dung của kế hoạch Đờ Lát đơ Tátxinhhi. - Trình bày được nội dung của Đại hội đại biểu lần thứ II của Đảng (2/1951) - Trình bày được những kết quả chính đã đạt được trong công cuộc xây dựng hậu phương về chính trị, kinh tế từ năm 1951 đến năm 1952. (C14) Vận dụng: - Nhận xét được ý nghĩa của Đại hội đại biểu lần thứ II của Đảng (2/1951). - Nhận xét được ý nghĩa và tác dụng của những kết quả chính đã đạt được trong công cuộc xây dựng hậu phương về chính trị, kinh tế từ năm 1951 đến năm 1952 đối với cuộc kháng chiến nói chung, với chiến trường nói riêng. Vận dụng cao:	1	0	1*	1**

TT	Nội dung kiến thức	Đơn vị kiến thức	Mức độ kiến thức, kĩ năng cần kiểm tra, đánh giá	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức			
				Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao
			- Nhận xét, phân tích được mối quan hệ giữa hậu phương và tiền tuyến.				
		Bài 20: Cuộc kháng chiến toàn quốc chống thực dân Pháp kết thúc (1953 – 1954)	Nhận biết: - Trình bày được những nét chính của chiến cuộc Đông Xuân (1953 - 1954), chiến dịch Điện Biên Phủ và Hiệp định Giơ-ne-vơ 1954 về Đông Dương; ý nghĩa và nguyên nhân thắng lợi của cuộc kháng chiến chống Pháp. (C15); (C16) Thông hiểu: - Hiểu (giải thích) được chủ trương của Đảng trong cuộc Tiến công chiến lược Đông – Xuân 1953 – 1954. (C28) Vận dụng: - Phân tích được hoàn cảnh dẫn đến âm mưu, thủ đoạn mới của thực dân Pháp và can thiệp Mỹ thể hiện trong kế hoạch Na-va. - Phân tích được ý nghĩa của cuộc Tiến công chiến lược Đông - Xuân 1953 - 1954, chiến dịch Điện Biên Phủ và Hiệp định Giơ-ne-vơ 1954 về Đông Dương, ý nghĩa và nguyên nhân thắng lợi của cuộc kháng chiến chống Pháp. Vận dụng cao: - Đánh giá được mối quan hệ giữa mặt trận ngoại giao và mặt trận quân sự trong kháng chiến chống Pháp (1945 – 1954).	2	1	1*	1**
Tổng				16	12	2	1

TT	Nội dung kiến thức	Đơn vị kiến thức	Mức độ kiến thức, kĩ năng cần kiểm tra, đánh giá	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức			
				Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng g	Vận dụng cao
Tỉ lệ % theo từng mức độ				70		30	

Lưu ý:

- Với câu hỏi ở mức độ nhận biết và thông hiểu thì mỗi câu hỏi cần được ra ở một chỉ báo của mức độ kiến thức, kỹ năng cần kiểm tra, đánh giá tương ứng (1 gạch đầu dòng thuộc mức độ đó).
- (1*) Giáo viên có thể ra 1 câu hỏi cho đề kiểm tra ở cấp độ vận dụng ở đơn vị kiến thức: Việt Nam 1919 – 1930 hoặc Việt Nam 1930 – 1945 hoặc Việt Nam 1945 – 1954.
- (1**) Giáo viên có thể ra 1 câu hỏi cho đề kiểm tra ở cấp độ vận dụng ở đơn vị kiến thức: Việt Nam 1919 – 1930 hoặc Việt Nam 1930 – 1945 hoặc Việt Nam 1945 – 1954.

BẢNG ĐẶC TẢ KỸ THUẬT ĐỀ KIỂM TRA GIỮA KÌ II
MÔN: LỊCH SỬ, LỚP 12 – THỜI GIAN LÀM BÀI: 45 PHÚT.

T T	Nội dung kiến thức	Đơn vị kiến thức	Mức độ kiến thức, kỹ năng cần kiểm tra, đánh giá	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức				Tổng
				Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao	

T T	Nội dung kiến thức	Đơn vị kiến thức	Mức độ kiến thức, kỹ năng cần kiểm tra, đánh giá	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức				Tổng
				Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao	
1	Việt Nam từ năm 1954 đến năm 1975	Bài 21. Xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc, đấu tranh chống đế quốc Mỹ và chính quyền Sài Gòn ở miền Nam (1954 - 1965)	Nhận biết: - Nêu được tình hình nước ta sau Hiệp định Giơ-ne-vơ 1954 : Đất nước bị chia cắt làm hai miền (tạm thời). - Trình bày được phong trào “Đồng khởi”; sự ra đời của Mặt trận dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam. - Nêu được nội dung của Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ III của Đảng (9 - 1960).	5				
			Thông hiểu: - Hiểu được nội dung chính của Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ III của Đảng (9 - 1960), nhiệm vụ của cách mạng Việt Nam - Nêu được đặc điểm của chiến lược “Chiến tranh đặc biệt” của Mỹ. Cuộc đấu tranh của nhân dân ta phá “áp chiến lược”, chiến thắng Ấp Bắc và chiến dịch tiến công địch					

T T	Nội dung kiến thức	Đơn vị kiến thức	Mức độ kiến thức, kỹ năng cần kiểm tra, đánh giá	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức				Tổng
				Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao	
			trong đông – xuân 1964 - 1965 ; ý nghĩa của các sự kiện trên: làm phá sản về cơ bản chiến lược “Chiến tranh đặc biệt” của Mĩ.					
			Vận dụng: - Phân tích được ý nghĩa của phong trào “Đồng khởi” và sự ra đời của Mặt trận dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam. - Phân tích được ý nghĩa Đại hội III của Đảng.			1*		
			Vận dụng cao: - Nhận xét được tác động của cách mạng mỗi miền và mối quan hệ khăng khít của cách mạng hai miền Nam – Bắc.				1**	
		Bài 22. Hai miền đất nước trực tiếp chiến đấu chống đế quốc Mĩ xâm lược. Miền Bắc vừa chiến đấu vừa sản	Nhận biết: - Trình bày (được) ý nghĩa thắng lợi của chiến thắng Vạn Tường, cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Tết Mậu Thân (1968). - Trình bày được những thành tích trong chiến đấu chống chiến tranh	5				

T T	Nội dung kiến thức	Đơn vị kiến thức	Mức độ kiến thức, kỹ năng cần kiểm tra, đánh giá	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức				Tổng
				Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao	
		xuất (1965 - 1973)	phá hoại của Mĩ lần thứ hai (1972). - Trình bày được những thắng lợi về chính trị và ngoại giao của nhân dân miền Nam làm thất bại chiến lược Việt Nam hóa chiến tranh. - Trình bày (được) cuộc tiến công chiến lược năm 1972. - Nêu được nội dung và ý nghĩa của Hiệp định Pa-ri năm 1973 về chấm dứt chiến tranh ở Việt Nam.					
			Thông hiểu: - Hiểu được âm mưu và thủ đoạn của Mĩ trong chiến lược “Chiến tranh cục bộ”. - Nêu được đặc điểm chính của chiến lược “Việt Nam hoá chiến tranh” của đế quốc Mĩ (1969 – 1972). - Hiểu được ý nghĩa của HĐ Pari năm 1973...		4			

T T	Nội dung kiến thức	Đơn vị kiến thức	Mức độ kiến thức, kỹ năng cần kiểm tra, đánh giá	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức				Tổng
				Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao	
			Vận dụng: - Phân tích (được) ý nghĩa của cuộc Tổng tiến công và nổi dậy xuân Mậu Thân 1968. - Phân tích được nguyên nhân Mỹ phải thực hiện chiến lược “Việt Nam hoá chiến tranh”. - Phân tích được vai trò, ý nghĩa của hậu phương miền Bắc với cách mạng miền Nam và ý nghĩa của trận “Điện Biên Phủ trên không” năm 1972. - Phân tích được ý nghĩa của cuộc tiến công chiến lược năm 1972.			1*		
			Vận dụng cao: - Nhận xét được vai trò của hậu phương lớn miền Bắc đối với cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước 1954-1975				1**	

T T	Nội dung kiến thức	Đơn vị kiến thức	Mức độ kiến thức, kỹ năng cần kiểm tra, đánh giá	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức				Tổng
				Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao	
		Bài 23. Khôi phục và phát triển kinh tế - xã hội ở miền Bắc, giải phóng hoàn toàn miền Nam (1973 - 1975)	Nhận biết: - Nêu được bối cảnh và chủ trương, kế hoạch giải phóng miền Nam. - Trình bày được diễn biến chính của những chiến dịch lớn trong cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Xuân 1975 : chiến dịch Tây Nguyên, chiến dịch Huế - Đà Nẵng, chiến dịch, Hồ Chí Minh.	6				
			Thông hiểu: - Hiểu được tại sao Đảng đề ra chủ trương, kế hoạch giải phóng miền Nam trong hai năm, sự điều chỉnh kịp thời của Đảng - Hiểu được lí do Đảng chọn Tây		4			

T T	Nội dung kiến thức	Đơn vị kiến thức	Mức độ kiến thức, kỹ năng cần kiểm tra, đánh giá	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức				Tổng
				Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao	
			Nguyên là địa bàn tấn công đầu tiên...					
			Vận dụng: - Phân tích được ý nghĩa của các chiến dịch trong cuộc tổng tiến công và nổi dậy xuân 1975. - Phân tích được ý nghĩa lịch sử và nguyên nhân thắng lợi của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước.			1*		
			Vận dụng cao: - Đánh giá được sự lãnh đạo tài tình, sáng suốt của Đảng trong kháng chiến chống Mỹ.				1**	
Tỉ lệ % từng mức độ nhận thức				40	30	20	10	100

T T	Nội dung kiến thức	Đơn vị kiến thức	Mức độ kiến thức, kĩ năng cần kiểm tra, đánh giá	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức				Tổng
				Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao	
Tỉ lệ chung				70		30		

Lưu ý: - Mỗi mức độ chuẩn kiến thức, kỹ năng cần kiểm tra, đánh giá cần ra ít nhất 1 câu hỏi trắc nghiệm.

- 1* Chỉ sử dụng 1 trong 3 đơn vị kiến thức để ra câu hỏi ở bài 21 hoặc 22 hoặc 23.
- 1** Chỉ sử dụng 1 trong 3 đơn vị kiến thức để ra câu hỏi ở bài 21 hoặc 22 hoặc 23.

\ **BẢNG ĐẶC TẢ KỸ THUẬT ĐỀ KIỂM TRA CUỐI KÌ II**
MÔN: LỊCH SỬ LỚP 12 - THỜI GIAN LÀM BÀI: 45 PHÚT

TT	Nội dung kiến thức	Đơn vị kiến thức	Mức độ kiến thức, kỹ năng cần kiểm tra, đánh giá	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức				Tổng
				Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao	

TT	Nội dung kiến thức	Đơn vị kiến thức	Mức độ kiến thức, kĩ năng cần kiểm tra, đánh giá	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức				Tổng
				Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao	
1	Việt Nam từ năm 1954 đến năm 1975	Bài 21: Xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc, đấu tranh chống đế quốc Mĩ và chính quyền Sài Gòn ở miền Nam (1954 - 1965)	Nhận biết: - Nêu được tình hình nước ta sau Hiệp định Giơnevơ 1954. - Nêu được nội dung chính của Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ III của Đảng (9 - 1960). - Nêu được các đặc điểm của chiến lược “Chiến tranh đặc biệt” của Mĩ.	3				
			Thông hiểu: - Hiểu được yêu cầu cách mạng đối với nhân dân miền Bắc - Chỉ ra được nhiệm vụ của cách mạng Việt Nam, cách mạng mỗi miền và mối quan hệ giữa nhiệm vụ của hai miền. - Trình bày được kết quả trong chiến đấu chống chiến lược “chiến tranh đặc biệt” của quân dân Việt Nam (phá “áp chiến lược”, chiến thắng Ấp Bắc và chiến dịch tiến công địch ở miền Đông Nam Bộ trong đông - xuân 1964 - 1965).		1			
			Vận dụng: - Phân tích được ý nghĩa của Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ III của Đảng (9 - 1960). - Phân tích được ý nghĩa của các thắng lợi trong chiến đấu			1*		

TT	Nội dung kiến thức	Đơn vị kiến thức	Mức độ kiến thức, kĩ năng cần kiểm tra, đánh giá	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức				Tổng
				Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao	
			chống chiến lược “chiến tranh đặc biệt”: chiến thắng Ấp Bắc và chiến dịch tiến công địch ở miền Đông Nam Bộ trong đông - xuân 1964 - 1965.					
			Vận dụng cao: - Nhận xét được nhiệm vụ của cách mạng cả nước, của mỗi miền và mối quan hệ gắn bó của cách mạng hai miền Nam - Bắc.				1**	
		Bài 22: Hai miền đất nước trực tiếp chiến đấu chống đế quốc Mĩ xâm lược. Miền Bắc vừa chiến đấu vừa sản xuất (1965 - 1973)	Nhận biết: - Nêu được những thắng lợi lớn của nhân dân miền Nam (thắng Vạn Tường). - Nêu được những thành tích trong chiến đấu chống chiến tranh phá hoại của Mĩ lần thứ hai (tích hợp với mục II. Bài 22). - Nêu được những thắng lợi về chính trị và ngoại giao của nhân dân Việt Nam trong chiến đấu chống chiến lược “Việt Nam hóa chiến tranh”. - Nêu được ý nghĩa của cuộc tiến công chiến lược năm 1972. - Nêu được nội dung và ý nghĩa của Hiệp định Pa-ri năm	3				

TT	Nội dung kiến thức	Đơn vị kiến thức	Mức độ kiến thức, kĩ năng cần kiểm tra, đánh giá	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức				Tổng
				Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao	
			1973.					
			Thông hiểu: - Hiểu được âm mưu và thủ đoạn của Mĩ trong chiến lược “Chiến tranh cục bộ”. - Trình bày được ý nghĩa của chiến thắng Vạn Tường (Quảng Ngãi) năm 1965. - Trình bày được ý nghĩa của cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Tết Mậu Thân (1968). - Hiểu được ý nghĩa của sự kiện: Chính phủ cách mạng lâm thời Cộng hoà miền Nam Việt Nam ra đời.		1			
			Vận dụng: - Phân tích được ý nghĩa của phong trào “Đồng khởi” và sự ra đời của Mặt trận dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam. - Phân tích được nguyên nhân Mĩ phải thực hiện chiến lược “Việt Nam hoá chiến tranh”. - Nêu (rút ra) được đặc điểm chính của chiến lược “Việt Nam hoá chiến tranh” của đế quốc Mĩ (1969 - 1972).			1*		

TT	Nội dung kiến thức	Đơn vị kiến thức	Mức độ kiến thức, kĩ năng cần kiểm tra, đánh giá	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức				Tổng
				Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao	
	Bài 23: Khôi phục và phát triển kinh tế - xã hội ở miền Bắc, giải phóng hoàn toàn miền Nam (1973 - 1975)		Vận dụng cao: - Nhận xét được mối quan hệ, tác động qua lại, ảnh hưởng của cách mạng hai miền Nam - Bắc. - Rút ra được vai trò của hậu phương miền Bắc đối với cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước (1954-1975).				1**	
			Nhận biết: - Nêu được bối cảnh và chủ trương, kế hoạch giải phóng miền Nam. - Nêu được ý nghĩa của các chiến dịch lớn trong cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Xuân 1975. - Nêu được ý nghĩa lịch sử, nguyên nhân thắng lợi của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước (1954-1975).	2				
			Thông hiểu: - Trình bày được diễn biến chính của những chiến dịch lớn trong cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Xuân 1975: chiến dịch Tây Nguyên, chiến dịch Huế - Đà Nẵng, Hồ Chí Minh.					
			Vận dụng: - Phân tích được ý nghĩa của các chiến dịch lớn trong cuộc			1*		

TT	Nội dung kiến thức	Đơn vị kiến thức	Mức độ kiến thức, kĩ năng cần kiểm tra, đánh giá	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức				Tổng
				Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao	
			Tổng tiến công và nổi dậy Xuân 1975. - Phân tích được ý nghĩa lịch sử và nguyên nhân thắng lợi của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước.					
			Vận dụng cao: - Nhận xét được/đánh giá được vai trò lãnh đạo tài tình, sáng suốt của Đảng trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước.				1**	
2	Việt Nam từ năm 1975 đến năm 2000	Bài 24: Việt Nam trong năm đầu sau thắng lợi của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước năm 1975.	Nhận biết: - Nêu được bối cảnh lịch sử của nước ta sau Đại thắng Xuân năm 1975. - Nêu được diễn biến quá trình thống nhất đất nước về mặt Nhà nước - Nêu được diễn biến, nội dung cơ bản của kì họp đầu tiên của Quốc hội khoá VI (tháng 6, 7 - 1976).	4				
			Vận dụng: - Phân tích được những thuận lợi và khó khăn của nước ta sau Đại thắng Xuân năm 1975. - Phân tích được ý nghĩa của kì họp đầu tiên của Quốc hội khoá				1*	

TT	Nội dung kiến thức	Đơn vị kiến thức	Mức độ kiến thức, kĩ năng cần kiểm tra, đánh giá	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức				Tổng
				Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao	
			VI (tháng 6, 7 - 1976).					
	Bài 25: Xây dựng CNXH và đấu tranh bảo vệ Tổ quốc (1976-1986)	Nhận biết: - Trình bày được kết quả chủ yếu của công cuộc bảo vệ biên giới Tây - Nam và biên giới phía Bắc của Tổ quốc.		2				
	Bài 26: Đất nước trên đường đổi mới đi lên chủ nghĩa xã hội (1986-2000)	Nhận biết: - Nêu được những thành tựu và những yếu kém của hơn 10 năm xây dựng chủ nghĩa xã hội ở nước ta. - Nêu được hoàn cảnh lịch sử dẫn đến việc đề ra chủ trương đổi mới đất nước. - Nêu được những điểm chủ yếu trong đường lối đổi mới của Đảng về kinh tế, chính trị.		2				
		Thông hiểu: - Xác định được những nội dung chủ yếu trong đường lối đổi mới của Đảng về kinh tế, chính trị. - Hiểu được yêu cầu tất yếu của việc đề ra chủ trương đổi mới đất nước.			2			

TT	Nội dung kiến thức	Đơn vị kiến thức	Mức độ kiến thức, kĩ năng cần kiểm tra, đánh giá	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức				Tổng
				Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao	
			Vận dụng: - Phân tích (được) sự đúng đắn trong nội dung đường lối đổi mới của Đảng.			1*		
			Vận dụng cao: - Rút ra được bài học kinh nghiệm cho công cuộc đổi mới đất nước.				1**	
3	Tổng kết lịch sử Việt Nam từ sau Chiến tranh thế giới thứ nhất đến nay	Bài 27: Tổng kết lịch sử Việt Nam từ sau Chiến tranh thế giới thứ nhất đến nay	Thông hiểu: Hiểu được những nội dung cơ bản của lịch sử Việt Nam từ sau Chiến tranh thế giới thứ nhất đến nay: - Sự kiện thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam (3-2-1930). - Cách mạng tháng Tám năm 1945. - Chiến thắng lịch sử Điện Biên Phủ (1954). - Cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Xuân 1975. - Công cuộc đổi mới đất nước (1986 - nay).		8			
Tổng				16	12	1	1	
Tỉ lệ % từng mức độ nhận thức								

TT	Nội dung kiến thức	Đơn vị kiến thức	Mức độ kiến thức, kĩ năng cần kiểm tra, đánh giá	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức				Tổng
				Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao	
Tỉ lệ chung				70%		30%		

Lưu ý:

- Với câu hỏi ở mức độ nhận biết và thông hiểu thì mỗi câu hỏi cần được ra ở một chỉ báo của mức độ kiến thức, kỹ năng cần kiểm tra, đánh giá tương ứng (1 gạch đầu dòng thuộc mức độ đó).
- Giáo viên có thể ra 1 câu hỏi cho đề kiểm tra ở cấp độ vận dụng ở đơn vị kiến thức thuộc các bài 21 hoặc 22 hoặc 23 hoặc 24 (phần 1*).
- Giáo viên có thể ra 1 câu hỏi cho đề kiểm tra ở cấp độ vận dụng ở ở đơn vị kiến thức thuộc các bài 21 hoặc 22 hoặc 23 (phần 1**).

c) Đề minh họa; đáp án và hướng dẫn chấm